

Số: 1389/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh
đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075
(Mã số thông tin quy hoạch: 242611033432)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn
ngày 11 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông
thôn; Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng
7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch
đô thị và nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Thủ
tướng Chính phủ và Quyết định số 836/QĐ-BXD ngày 01 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch hệ thống đô thị
và nông thôn quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 và Quyết
định số 612/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê
duyet Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến
năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 1589/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023 của
Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm
2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ
2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 25
tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bắc Ninh phê duyệt Điều
chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

Căn cứ Quyết định số 1242/QĐ-TTg ngày 8 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075;

Theo đề nghị của UBND tỉnh Bắc Ninh tại Tờ trình số 298/TTr-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2026 và Báo cáo thẩm định số 291/BC-BXD ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Bộ Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075, với các nội dung chính sau:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch:

a) Phạm vi lập quy hoạch:

Toàn bộ địa giới hành chính tỉnh Bắc Ninh (bao gồm 99 đơn vị hành chính cấp xã); các giới hạn như sau: phía Bắc giáp tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Lạng Sơn; phía Nam giáp các tỉnh Hưng Yên, thành phố Hải Phòng và tỉnh Quảng Ninh; phía Đông giáp các tỉnh Quảng Ninh và Lạng Sơn; phía Tây giáp thành phố Hà Nội và tỉnh Thái Nguyên.

b) Quy mô lập quy hoạch:

Khoảng 4.713,75 km² diện tích tự nhiên theo ranh giới hành chính của tỉnh Bắc Ninh được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

c) Thời hạn quy hoạch:

Ngắn hạn đến năm 2040 (có xét đến năm 2030); dài hạn đến năm 2050; tầm nhìn đến năm 2075.

2. Quan điểm, mục tiêu, tầm nhìn quy hoạch:

a) Quan điểm quy hoạch:

- Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh được lập trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn; bảo đảm sự phù hợp, thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng và các quy hoạch có liên quan; kế thừa định hướng cơ bản của quy hoạch tỉnh Bắc Ninh, cũng như các quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt.

- Phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của đô thị Bắc Ninh; tổ chức không gian phát triển hợp lý giữa đô thị - công nghiệp - dịch vụ - nông thôn; bảo đảm mối quan hệ hài hòa giữa phát triển đô thị với bảo tồn các giá trị văn hóa Kinh Bắc.

- Phát triển đô thị theo hướng xanh, thông minh, bền vững và có khả năng chống chịu trước tác động của biến đổi khí hậu; tổ chức không gian đô thị đồng bộ với hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo hướng hạ tầng xanh. Quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học; giữ gìn không gian sinh thái, bảo vệ quỹ đất lúa năng suất cao, đất rừng tự nhiên và kiểm soát phát triển đô thị theo hướng tập trung, hạn chế đô thị hóa dàn trải.

- Quy hoạch có tầm nhìn dài hạn, chiến lược; bảo đảm tính kế thừa, ổn định và linh hoạt; có khả năng điều chỉnh, thích ứng với bối cảnh phát triển và biến đổi khí hậu.

- Bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh; giữ vững vị thế của đô thị Bắc Ninh là đô thị động lực của vùng và vai trò là một trung tâm công nghiệp, dịch vụ của quốc gia, đồng thời có tầm vóc quốc tế.

b) Mục tiêu, tầm nhìn:

- Mục tiêu chung: cụ thể hóa định hướng phát triển tỉnh Bắc Ninh trở thành đô thị loại I và thành phố trực thuộc trung ương; tổ chức không gian đô thị - nông thôn và hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, hạ tầng giao thông đa phương thức đồng bộ, hiện đại; kiến tạo hình mẫu đô thị xanh, thông minh, văn minh, hiện đại, giàu bản sắc văn hóa Kinh Bắc, có sức cạnh tranh hàng đầu trong nước và khu vực. Lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực phát triển; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế tuần hoàn và hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng “0”; phát huy vai trò là trung tâm công nghiệp điện tử, trọng tâm là công nghiệp bán dẫn, sản xuất vi mạch và trí tuệ nhân tạo, tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Nâng cao toàn diện chất lượng sống của Nhân dân; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh; làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý phát triển đô thị, quản lý đầu tư xây dựng và triển khai các quy hoạch, dự án đầu tư theo quy định.

- Mục tiêu cụ thể:

- + Đến năm 2030: đạt tiêu chí đô thị loại I và trở thành thành phố trực thuộc trung ương trước năm 2030. Xây dựng Bắc Ninh thành cực tăng trưởng kinh tế của miền Bắc và cả nước, là hình mẫu về thành phố xanh, thông minh, hiện đại, văn minh, mang đậm bản sắc văn hóa Kinh Bắc. Trở thành trung tâm công nghiệp điện tử với trọng tâm là công nghiệp bán dẫn, sản xuất vi mạch, trí tuệ

nhân tạo hàng đầu cả nước và trong khu vực. Hoàn thiện kết nối các trung tâm đô thị lớn với hạ tầng dịch vụ logistics đa phương thức.

+ Đến năm 2040: thành phố có nền kinh tế cân bằng giữa công nghiệp công nghệ cao và dịch vụ, logistics liên hoàn hàng đầu khu vực. Khẳng định vị thế là cực tăng trưởng quốc gia với hệ thống đô thị có hạ tầng đồng bộ, thông minh, hiện đại, xanh và bền vững, vận hành dựa trên đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số toàn diện.

+ Đến năm 2050: trở thành thành phố đáng sống đạt đẳng cấp khu vực châu Á, đóng góp quan trọng vào tầm nhìn chiến lược của quốc gia. Là hình mẫu về phát triển nền kinh tế vận hành theo phương thức của kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Phát triển kinh tế thịnh vượng gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng “0”. Môi trường xã hội văn minh, hiện đại, có văn hóa nổi bật và lan tỏa di sản văn hóa Bắc Ninh - Kinh Bắc.

- Tầm nhìn đến năm 2075:

Trở thành đô thị lớn, thịnh vượng, phát triển bền vững, có khả năng dung nạp trên 10 triệu dân; tổ chức không gian đô thị hợp lý, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển trong dài hạn.

3. Tính chất đô thị:

- Là đô thị loại I, thành phố trực thuộc trung ương, cực tăng trưởng và động lực phát triển quan trọng của vùng đô thị Hà Nội và vùng đồng bằng sông Hồng; đô thị xanh, thông minh, hiện đại, văn minh, giàu đẹp, mang đậm bản sắc văn hóa Kinh Bắc.

- Là đầu mối giao thông quan trọng, cửa ngõ hàng không quốc tế, trung tâm logistics đa phương thức, trung tâm thương mại - dịch vụ kết nối các hành lang kinh tế trọng yếu của quốc gia; trung tâm công nghiệp điện tử hiện đại, công nghệ cao hàng đầu quốc gia và khu vực.

- Là trung tâm về y tế, giáo dục - đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp quốc gia, cấp vùng; đô thị với hệ thống di sản văn hóa - lịch sử tiêu biểu, phát triển bền vững, hài hòa với cảnh quan và hệ sinh thái tự nhiên.

- Là khu vực có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh, cửa ngõ phía Đông Bắc của Thủ đô Hà Nội.

4. Dự báo phát triển:

a) Quy mô dân số:

- Đến năm 2030: khoảng 4,95 triệu người (trong đó dân số thường trú khoảng 4,065 triệu người).

- Đến năm 2040: khoảng 7,5 - 7,7 triệu người (trong đó dân số thường trú khoảng 6,7 - 6,9 triệu người).

- Đến năm 2050: khoảng 8,6 - 8,9 triệu người (trong đó dân số thường trú khoảng 7,5 - 8,0 triệu người).

- Tầm nhìn đến năm 2075: đô thị có khả năng dung nạp trên 10 triệu người.

(Quy mô dân số các khu vực đô thị, khu chức năng được xác định cụ thể và chính xác hóa trong quá trình lập quy hoạch ở cấp độ tiếp theo).

b) Sử dụng đất:

- Đến năm 2030: đất xây dựng khoảng 150.000 - 160.000 ha (trong đó đất dân dụng khoảng 45.000 - 50.000 ha).

- Đến năm 2040: đất xây dựng khoảng 170.000 - 200.000 ha (trong đó đất dân dụng khoảng 70.000 - 75.000 ha).

- Đến năm 2050: đất xây dựng khoảng 220.000 - 240.000 ha (trong đó đất dân dụng khoảng 80.000 - 85.000 ha).

c) Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật:

Áp dụng tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật theo các tiêu chuẩn đối với đô thị loại I, tuân thủ quy chuẩn quy hoạch và các tiêu chuẩn chuyên ngành hiện hành, hướng tới mục tiêu phát triển đô thị chất lượng cao. Áp dụng linh hoạt phù hợp với đặc điểm và mô hình ở từng khu vực đô thị (khu vực đô thị hạt nhân, khu vực đô thị lịch sử, khu vực tái thiết hoặc cải tạo, khu vực xây dựng mới, khu vực mật độ cao theo mô hình phát triển đô thị định hướng giao thông công cộng (TOD), khu vực đô thị sinh thái, khu vực bảo tồn cảnh quan, bảo tồn làng xóm và văn hóa); đáp ứng yêu cầu đặc thù về phát triển công nghiệp công nghệ cao, logistics đa phương thức, đô thị sân bay, dịch vụ chất lượng cao và bảo tồn, phát huy không gian văn hóa Kinh Bắc.

5. Mô hình cấu trúc phát triển:

Bắc Ninh phát triển theo mô hình đô thị đa cực, đa trung tâm, theo đặc điểm của các không gian tự nhiên mang tính đặc thù. Cấu trúc phát triển được tổ chức theo 03 phân vùng phát triển, 04 hành lang phát triển dọc các trục giao thông chiến lược và đường vành đai, cùng 06 cụm trung tâm động lực.

- 03 phân vùng phát triển:

+ Vùng phát triển công nghiệp - đô thị trung tâm (Vùng 1): gồm các khu vực Từ Sơn, Tiên Du, Kinh Bắc, Yên Phong, Quế Võ, Bắc Giang, Hiệp Hòa và các không gian liên kết. Đây là vùng động lực chủ yếu về giáo dục - đào tạo, văn hóa, công nghiệp công nghệ cao, điện tử, bán dẫn và dịch vụ cấp vùng.

+ Vùng phát triển thương mại, dịch vụ, logistics phía Nam (Vùng 2): gồm khu vực Nam sông Đuống (Gia Thuận). Vùng này gắn với Cảng hàng không quốc tế Gia Bình, hướng tới đô thị hàng không, thương mại quốc tế và logistics hàng không.

+ Vùng phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp phía Đông (Vùng 3): gồm Lục Ngạn, Sơn Động, Tây Yên Tử và các không gian liên kết. Chức năng chủ đạo là nông nghiệp hàng hóa, lâm nghiệp, du lịch sinh thái, tín ngưỡng và bảo tồn thiên nhiên.

- 04 hành lang phát triển chủ đạo kết hợp với hệ thống 03 đường vành đai vùng đô thị Hà Nội, bao gồm:

+ Hành lang Bắc - Nam: liên kết Lạng Sơn - Lạng Giang - Bắc Giang - Bắc Ninh - Từ Sơn - Hà Nội thông qua tuyến cao tốc (CT.01), quốc lộ 1, các tuyến hướng tâm như đường tỉnh 299, đường tỉnh 295C, hành lang đường sắt liên vận.

+ Hành lang Đông - Tây phía Nam sông Cầu và Bắc sông Đuống: liên kết Sóc Sơn (thành phố Hà Nội) - Yên Phong - Tiên Du - Kinh Bắc - Quế Võ - Chí Linh (thành phố Hải Phòng) thông qua quốc lộ 18 và đường Vành đai 4;

+ Hành lang Đông - Tây phía Nam sông Đuống: liên kết Đông Anh (thành phố Hà Nội) - Gia Thuận - Hải Dương (thành phố Hải Phòng) - Hạ Long (Quảng Ninh) thông qua tuyến đường nối cảng hàng không quốc tế Gia Bình kéo dài, đường sắt tốc độ cao.

+ Vành đai công nghiệp - đô thị liên kết vùng đô thị Hà Nội: gắn kết theo không gian các tuyến đường Vành đai 4, Vành đai 4,5, Vành đai 5 và các đường tỉnh: đường tỉnh 278, đường tỉnh 285B, đường tỉnh 295, quốc lộ 17... phân bố ưu tiên công nghiệp, đô thị - dịch vụ cấp vùng.

- 06 cụm trung tâm động lực phát triển, gồm: cụm đô thị hạt nhân Kinh Bắc - Bắc Giang - Quế Võ; cụm Yên Phong - Hiệp Hòa; đô thị hạt nhân Gia Thuận; cụm Từ Sơn - Tiên Du; cụm Lạng Giang - Lục Nam; cụm Lục Ngạn - Sơn Động.

6. Định hướng phát triển không gian

a) Định hướng phát triển không gian tổng thể:

- Phát triển hệ thống đô thị theo mô hình đa cực - đa trung tâm, gắn với các hành lang kinh tế chủ đạo theo hướng Bắc - Nam và Đông - Tây; khai thác hiệu quả lợi thế của Cảng hàng không quốc tế Gia Bình, các tuyến đường sắt quốc gia, đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị và mạng lưới giao thông đối ngoại, tạo liên kết chặt chẽ với Thủ đô Hà Nội, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng trung du và miền núi phía Bắc và các cửa ngõ quốc tế.

- Mở rộng không gian phát triển về khu vực trung du, đồi núi phía Bắc và phía Đông để phát triển đô thị sinh thái, nông lâm nghiệp và du lịch; phát triển các khu đô thị mới và tái thiết đô thị theo hướng xanh, thông minh, hạ tầng đồng bộ, hài hòa với điều kiện tự nhiên và bản sắc văn hóa.

- Tổ chức không gian phát triển trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa hệ thống hạ tầng với khung sinh thái, gồm các hành lang xanh, vành đai xanh, nêm xanh và hệ thống 05 dòng sông chính (sông Cầu, sông Đuống, sông Thương, sông Lục Nam và sông Thái Bình), bảo đảm cân bằng sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu. Chuyển hóa hệ thống các dòng sông từ ranh giới tự nhiên thành trục cảnh quan, không gian văn hóa - sinh thái và động lực phát triển của toàn đô thị.

- Kế thừa, phát triển các định hướng chiến lược của hai tỉnh trước sáp nhập còn phù hợp, xây dựng 12 đô thị có chức năng tổng hợp theo phân bố không gian. Phát triển các khu vực đô thị theo mô hình TOD tại các đầu mối giao thông quan trọng như: các cửa ngõ hàng không, tuyến cao tốc, đường vành đai, tuyến đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị tạo thành các trung tâm đô thị phức hợp tại các khu vực: Bắc Giang - Kinh Bắc - Quế Võ, Tiên Du - Từ Sơn, Yên Phong - Hiệp Hòa, Lạng Giang - Lục Nam và đô thị sân bay Gia Thuận. Việc xác định phạm vi TOD được cụ thể hóa trong quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết.

- Phát triển cụm đô thị hạt nhân Bắc Giang - Kinh Bắc - Quế Võ trở thành cực tăng trưởng của vùng đô thị Hà Nội, đồng thời là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế của tỉnh, gắn với bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Kinh Bắc. Tổ chức không gian phát triển trên cơ sở khai thác hiệu quả cảnh quan ven sông Cầu, sông Thương và dãy núi Nham Biền; hình thành không gian đô thị xanh, thông minh, đa chức năng, hài hòa giữa các giá trị sinh thái, văn hóa, lịch sử và đô thị hiện đại, tạo dựng bản sắc đặc trưng của đô thị Bắc Ninh.

- Phát triển khu vực phía Nam sông Đuống (đô thị Gia Thuận) theo mô hình đô thị hàng không, đô thị đổi mới sáng tạo với hạt nhân là Cảng hàng không quốc tế Gia Bình và Khu thương mại tự do. Hình thành trung tâm logistics hàng không, công nghiệp công nghệ cao, thương mại và dịch vụ quốc tế; đồng thời bảo tồn, phát huy giá trị các di tích Lăng Kinh Dương Vương,

chùa Dâu và chùa Bút Tháp, tạo sự hài hòa giữa phát triển kinh tế với gìn giữ bản sắc văn hóa.

- Khu vực phía Tây Nam (gồm Từ Sơn, Tiên Du) tăng cường kết nối với Thủ đô Hà Nội thông qua hệ thống đường vành đai và mạng lưới giao thông liên vùng; phát triển các chức năng dịch vụ đô thị chất lượng cao.

- Khu vực phía Tây và Tây Bắc (gồm Yên Phong, Hiệp Hòa, Tân Yên, Yên Thế) phát triển thành cửa ngõ kết nối với Hà Nội và Thái Nguyên; ưu tiên phát triển công nghiệp sạch, công nghiệp hỗ trợ, logistics và dịch vụ.

- Phát triển khu vực phía Bắc (Lạng Giang, Lục Nam) trở thành các không gian động lực tăng trưởng mới. Trong đó, phát triển khu vực Kép - Lạng Giang thành Khu kinh tế chuyên biệt phía Bắc gắn với hành lang kinh tế Bắc - Nam, đóng vai trò đầu mối logistics đường sắt liên vận quốc tế.

- Khu vực phía Đông (gồm Lục Ngạn, Sơn Động) trở thành vùng động lực sinh thái - văn hóa, đồng thời là cửa ngõ hướng biển kết nối với Hạ Long (Quảng Ninh); Lục Ngạn là trung tâm dịch vụ nông - lâm nghiệp, Sơn Động phát triển đô thị du lịch tín ngưỡng gắn với Khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử.

b) Định hướng phát triển đô thị:

- Định hướng phát triển hệ thống đô thị theo giai đoạn:

- + Năm 2026: hoàn thiện, công nhận các đô thị (1) Bắc Giang (bao gồm đô thị Bắc Giang theo Quyết định công nhận đô thị đã được phê duyệt và xã Quế Nham, huyện Tân Yên cũ), (2) Kinh Bắc, (3) Từ Sơn là đô thị loại II. Tỉnh Bắc Ninh đạt tiêu chí đô thị loại I, là thành phố trực thuộc trung ương. Hệ thống đô thị gồm 25 đô thị, trong đó: 03 đô thị loại II đã được công nhận (Bắc Giang, Kinh Bắc, Từ Sơn) và 22 đô thị loại III được chuyển tiếp theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15. Mở rộng, công nhận các đô thị loại III thuộc xã trong khu vực phát triển đô thị khi bảo đảm các tiêu chí, điều kiện theo quy định nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển.

- + Đến năm 2030: Bắc Ninh là đô thị loại I, thành phố trực thuộc trung ương; hệ thống đô thị gồm vùng đô thị trung tâm Bắc Ninh với 08 đô thị loại II (Kinh Bắc, Bắc Giang, Từ Sơn, Tiên Du, Yên Phong, Quế Võ, Gia Thuận, Hiệp Hòa); vùng đô thị hóa mở rộng với 04 đô thị theo tiêu chí đô thị loại II (Tân Yên - Yên Thế, Lạng Giang - Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Động); tiếp tục rà soát, công nhận các đô thị loại III thuộc các xã trong khu vực phát triển đô thị khi bảo đảm các tiêu chí, điều kiện theo quy định nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển; tỷ lệ đô thị hóa tối thiểu đạt khoảng 65%.

+ Đến năm 2040: hoàn thiện 08 đô thị loại II của vùng đô thị trung tâm, phân đầu phát triển 04 đô thị loại II của vùng đô thị hóa mở rộng; các đô thị hạt nhân Kinh Bắc, Bắc Giang, Quế Võ, Gia Thuận phát triển đạt các tiêu chuẩn chất lượng cao của thành phố trực thuộc trung ương. Nghiên cứu, công nhận các đô thị loại III thuộc các xã khác khi bảo đảm các tiêu chí, điều kiện theo quy định; tỷ lệ đô thị hóa tối thiểu đạt khoảng 75%.

+ Đến năm 2050: hoàn thiện hệ thống đô thị theo mô hình đa cực, đa trung tâm với 03 phân vùng phát triển, 12 đô thị đạt tiêu chí loại II; cụm đô thị hạt nhân Kinh Bắc, Bắc Giang, Quế Võ và Gia Thuận đạt chuẩn chất lượng cao của thành phố trực thuộc trung ương; tỷ lệ đô thị hóa phân đầu trên 80%.

- Định hướng phát triển 12 khu vực đô thị theo tiêu chí đô thị loại II:

+ Đô thị Bắc Giang: là trung tâm cấp tỉnh, đô thị tổng hợp, trung tâm chính trị - hành chính, kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học kỹ thuật của đô thị Bắc Ninh. Định hướng phát triển đô thị nén tại trung tâm đô thị, đô thị sinh thái gắn với các không gian tự nhiên, đô thị xanh - thông minh. Dự kiến diện tích khoảng 440 km²; dân số đến năm 2050 khoảng 1.180.000 - 1.230.000 người.

+ Đô thị Kinh Bắc: là cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế tổng hợp, gắn với không gian văn hóa Kinh Bắc. Khuyến khích phát triển đô thị nén, đô thị đổi mới sáng tạo gắn mô hình TOD; bảo tồn, phát huy các khu vực đô thị lịch sử và không gian văn hóa Quan họ. Dự kiến diện tích khoảng 83 km²; dân số đến năm 2050 khoảng 690.000 - 710.000 người.

+ Đô thị Từ Sơn: là cực tăng trưởng, trung tâm văn hóa, giáo dục - đào tạo, thương mại, dịch vụ. Định hướng phát triển đô thị sinh thái gắn cải tạo, chỉnh trang và chuyển đổi xanh làng nghề truyền thống (Đồng Kỵ, Phù Khê); tăng không gian dịch vụ - thương mại, không gian đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ. Dự kiến diện tích khoảng 61 km²; dân số đến năm 2050 khoảng 480.000 - 500.000 người.

+ Đô thị Tiên Du: là cực tăng trưởng, trung tâm văn hóa - lịch sử, dịch vụ đô thị. Định hướng phát triển đô thị dịch vụ - du lịch văn hóa (Phật Tích, hội Lim); kiểm soát phát triển hài hòa với không gian di tích và cảnh quan. Dự kiến diện tích khoảng 96 km²; dân số đến năm 2050 khoảng 550.000 - 570.000 người.

+ Đô thị Yên Phong: là cực tăng trưởng, trung tâm công nghiệp, logistics và dịch vụ đô thị. Định hướng phát triển đô thị gắn với công nghiệp công nghệ cao (điện tử, bán dẫn), phát triển đồng bộ nhà ở công nhân, hạ tầng xã hội. Dự kiến diện tích khoảng 97 km²; dân số đến năm 2050 khoảng 560.000 - 580.000 người.

+ Đô thị Quế Võ: là cực tăng trưởng, trung tâm công nghiệp, logistics và dịch vụ đô thị. Định hướng phát triển đô thị dịch vụ gắn với công nghiệp - logistics, cảng cạn (ICD) Quế Võ; tổ chức không gian đô thị sinh thái hai bên bờ sông Cầu. Dự kiến diện tích khoảng 155 km²; dân số đến năm 2050 khoảng 620.000 - 640.000 người.

+ Đô thị Hiệp Hòa: là cực tăng trưởng, trung tâm mới về công nghiệp, dịch vụ đô thị, cửa ngõ phía Tây của tỉnh. Định hướng phát triển công nghiệp sạch, dịch vụ đô thị; kiểm soát mật độ vùng ven, kết hợp không gian nông nghiệp công nghệ cao. Dự kiến diện tích khoảng 206 km²; dân số đến năm 2050 khoảng 500.000 - 520.000 người.

+ Đô thị Gia Thuận: là cực tăng trưởng, trung tâm dịch vụ hàng không, logistics, phát triển gắn với Cảng hàng không quốc tế Gia Bình. Định hướng phát triển theo mô hình đô thị sân bay đa chức năng, khu thương mại tự do, bảo tồn hệ thống di sản dọc sông Đuống. Dự kiến diện tích khoảng 331 km²; dân số đến năm 2050 khoảng 1.900.000 - 1.950.000 người.

+ Đô thị Tân Yên - Yên Thế: là cực tăng trưởng, trung tâm mới về dịch vụ đô thị, công nghiệp và du lịch sinh thái. Phát triển đô thị sinh thái mật độ trung bình và thấp, gắn kết hoạt động du lịch nghỉ dưỡng và nông nghiệp xanh, bảo vệ cảnh quan. Dự kiến diện tích khoảng 210 km²; dân số đến năm 2050 khoảng 360.000 - 380.000 người.

+ Đô thị Lạng Giang - Lục Nam: là cực tăng trưởng, trung tâm dịch vụ đô thị, công nghiệp và logistics phía Bắc của đô thị Bắc Ninh. Định hướng phát triển đô thị công nghiệp theo hướng xanh, logistics đa phương thức với Ga Kép và Khu kinh tế chuyên biệt phía Bắc. Dự kiến diện tích khoảng 447 km²; dân số đến năm 2050 khoảng 690.000 - 710.000 người.

+ Đô thị Lục Ngạn: là cực tăng trưởng, trung tâm dịch vụ đô thị, nông nghiệp công nghệ cao và du lịch sinh thái phía Đông. Định hướng phát triển đô thị xanh mật độ trung bình và thấp, có không gian hài hòa giữa đô thị - nông thôn; gắn kết đô thị với hoạt động du lịch, dịch vụ của các thắng cảnh hồ Cẩm Sơn, Khuôn Thần; phát triển hoạt động chế biến, xuất khẩu nông sản. Dự kiến diện tích khoảng 291 km²; dân số đến năm 2050 khoảng 360.000 - 380.000 người.

+ Đô thị Sơn Động: là cực tăng trưởng, trung tâm dịch vụ đô thị, du lịch sinh thái, bảo tồn thiên nhiên và kinh tế cửa ngõ vùng Đông Bắc. Định hướng phát triển đô thị sinh thái, du lịch văn hóa; kiểm soát bảo tồn rừng và vùng cảnh quan Tây Yên Tử. Dự kiến diện tích khoảng 309 km²; dân số đến năm 2050 khoảng 190.000 - 200.000 người.

c) Định hướng phát triển nông thôn:

Diện tích tự nhiên khoảng 1.989 km², dân số đến năm 2050 khoảng 570.000 - 580.000 người.

- Xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; nâng chất lượng sống khu vực nông thôn tiệm cận chất lượng đô thị, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa đô thị - nông thôn và giữa tiểu vùng phía Nam với phía Bắc.

- Hình thành vùng nông nghiệp công nghệ cao, vùng chuyên canh cây ăn quả và vùng nông nghiệp tập trung, gắn với trung tâm hỗ trợ nông nghiệp công nghệ cao và chế biến sâu nông sản (Lục Ngạn, Sơn Động, Lục Nam). Bố trí các khu, cụm công nghiệp và khu dịch vụ - thương mại phục vụ chế biến, tiêu thụ nông sản hàng hóa.

- Phát triển mạng lưới giao thông tiếp cận thuận lợi tới khu vực nông thôn, bảo đảm lưu thông nông sản hàng hóa, tiếp cận dịch vụ đô thị. Đầu tư đồng bộ cơ sở y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao theo tiêu chí nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Giữ gìn cấu trúc làng xóm truyền thống và cảnh quan sinh thái, phát triển du lịch sinh thái, cảnh quan, văn hóa gắn với cộng đồng, phát huy giá trị mạch nguồn và ký ức về nơi chốn.

d) Bảo tồn và khu vực hạn chế phát triển:

- Bảo tồn các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) ghi danh và xếp hạng quốc gia: không gian văn hóa Dân ca Quan họ Bắc Ninh; hệ thống đình, chùa, đền, lăng tiêu biểu (Lăng Kinh Dương Vương, chùa Dâu, chùa Bút Tháp, chùa Phật Tích, đền Đô); không gian văn hóa Tây Yên Tử, hệ thống di tích chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Bát Nhã kết nối với quần thể di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc (thành phố Hải Phòng) và các khu vực bảo tồn thiên nhiên phía Đông đô thị Bắc Ninh.

- Bảo tồn và phát huy giá trị các khu vực di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể; kiểm soát chặt chẽ hoạt động xây dựng trong phạm vi vùng bảo vệ di tích; kết hợp bảo tồn di sản với phát triển du lịch văn hóa - lịch sử.

- Hạn chế phát triển đối với các khu vực nhạy cảm về môi trường, hành lang thoát lũ sông Cầu, sông Đuống, sông Thái Bình, sông Thương, sông Lục Nam; vùng đất ngập nước, vùng đồi núi phía Bắc có giá trị sinh thái và cảnh quan đặc trưng.

- Kiểm soát chặt chẽ việc phát triển đô thị, công nghiệp trên đất nông nghiệp chất lượng cao; bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, vùng sinh thái

Tây Yên Tử; quản lý phát triển các khu vực ven sông, hồ theo nguyên tắc bảo đảm hành lang an toàn và cảnh quan.

đ) Bảo đảm quốc phòng, an ninh:

- Quy hoạch, sắp xếp, nâng cấp, cải tạo, chỉnh trang đất quốc phòng, an ninh phải bảo đảm phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, an ninh và quy hoạch đô thị đã được phê duyệt.

- Xác lập và bảo vệ nghiêm ngặt quỹ đất dự trữ cho mục đích quốc phòng, an ninh tại các vị trí chiến lược; bảo vệ sân bay Kép và các công trình quốc phòng theo quy định.

- Bảo đảm kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh; bố trí không gian đô thị, khu dân cư gắn với thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, nhất là khu vực phía Bắc giáp Lạng Sơn, Quảng Ninh.

- Khai thác hiệu quả quỹ đất dự phòng cho mục đích quốc phòng và an ninh theo hướng lưỡng dụng, kết hợp hài hòa giữa nhiệm vụ quân sự, an ninh với phát triển kinh tế, du lịch, dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật.

e) Định hướng các khu chức năng:

- Khu kinh tế, khu công nghiệp công nghệ cao và trung tâm nghiên cứu đổi mới sáng tạo:

- + Phát triển Khu kinh tế chuyên biệt (phía Bắc), dự kiến tại khu vực Kép, Lạng Giang và phụ cận gắn với ga đường sắt tại Kép, ICD Kép theo tuyến đường sắt Hà Nội - Bắc Ninh - Đồng Đăng; chức năng chủ đạo gồm logistics đa phương thức gắn với đường sắt, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp xanh và dịch vụ thương mại quốc tế. Phạm vi, quy mô diện tích, tính chất, chức năng, định hướng phát triển, phân khu chức năng chính theo đề án thành lập khu kinh tế được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.

- + Hình thành 03 khu vực phát triển công nghệ cao (công nghệ số, trung tâm dữ liệu, công nghiệp công nghệ cao...) tại Võ Cường - Hạp Lĩnh - Liên Bảo, Đào Viên, Cảnh Thụy. Đồng thời phát triển cụm trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số gắn liền với công nghiệp công nghệ cao tại khu vực Cảnh Thụy và Đồng Việt.

- Phát triển Khu thương mại tự do Bắc Ninh, dự kiến vị trí đầu mối chính tập trung tại khu vực lân cận Cảng hàng không quốc tế Gia Bình. Phát triển các trụ cột kinh tế hàng không, đổi mới sáng tạo, giao thương và kinh tế điểm đến. Các chức năng chủ đạo gồm logistics hàng không, kho ngoại quan, trung tâm phân phối và tái xuất hàng hóa giá trị cao, đô thị - thương mại - dịch vụ quốc

tế, tài chính, công nghiệp công nghệ cao. Áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù theo quy định của pháp luật. Phạm vi, quy mô diện tích, tính chất, chức năng chính theo đề án thành lập khu thương mại tự do được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.

- Khu công nghiệp: phát triển theo hướng hiện đại, thông minh, bền vững, xanh; ưu tiên công nghiệp bán dẫn, điện tử, công nghiệp số và các ngành có giá trị gia tăng cao; hạn chế các ngành sử dụng nhiều lao động và có nguy cơ ô nhiễm. Định hướng thu hút các ngành nghề cho các khu công nghiệp để tạo thành hệ sinh thái sản xuất đồng bộ như sau:

+ Khu vực Yên Phong, Quế Võ, Việt Yên: phát triển công nghiệp điện tử, công nghệ cao và logistics công nghiệp quy mô lớn gắn với các khu công nghiệp hiện hữu như Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore (VSIP), Yên Phong, Quế Võ.

+ Khu vực Gia Thuận: phát triển công nghiệp công nghệ cao, logistics hàng không, dịch vụ hàng không gắn với Cảng hàng không quốc tế Gia Bình.

+ Khu vực Lạng Giang - Lục Nam: phát triển công nghiệp xanh, công nghiệp hỗ trợ gắn với hành lang kinh tế Bắc - Nam và Khu kinh tế chuyên biệt phía Bắc.

+ Khu vực Hiệp Hòa, Tân Yên - Yên Thế: phát triển công nghiệp sạch, công nghiệp phụ trợ gắn với nông nghiệp công nghệ cao.

- Cụm công nghiệp: phát triển theo hướng cụm công nghiệp gắn với các khu vực có điều kiện hạ tầng thuận lợi, có quỹ đất phù hợp, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cảnh quan. Phát triển các cụm công nghiệp chế biến nông sản tại khu vực Lục Ngạn, Sơn Động, Lục Nam; cụm công nghiệp phụ trợ tại Hiệp Hòa, Việt Yên, Tân Yên - Yên Thế...; phát triển cụm công nghiệp phục vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới. Từng bước di dời các cơ sở sản xuất riêng lẻ gây ô nhiễm môi trường vào các khu, cụm công nghiệp tập trung.

Nghiên cứu quy hoạch các cụm công nghiệp sáng tạo, văn hóa theo định hướng phát triển văn hóa Việt Nam. Chuyển đổi và di dời các cụm, làng nghề sản xuất gây ô nhiễm. Kiểm soát chặt các cụm công nghiệp, làng nghề nằm trong vùng hành lang xanh, bảo đảm tiêu chí như: phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ; đáp ứng các yêu cầu về nhu cầu phát triển, đất đai, vệ sinh môi trường...; đối với việc hình thành các cụm công nghiệp sau giai đoạn 2030 cần được xem xét rà soát, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường, tỷ lệ lấp đầy theo quy định.

- Khu du lịch:

+ Khu du lịch văn hóa, tín ngưỡng, lịch sử Tây Yên Tử: phát triển du lịch văn hóa, tín ngưỡng, lịch sử, sinh thái gắn với di sản thế giới Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc (thành phố Hải Phòng); bảo tồn cảnh quan rừng tự nhiên.

+ Khu du lịch văn hóa Kinh Bắc: phát triển du lịch di sản, lễ hội, trải nghiệm văn hóa gắn với hệ thống di tích (chùa Dâu, chùa Bút Tháp, Lăng Kinh Dương Vương, đền Đô), Dân ca Quan họ và không gian sông Cầu, sông Đuống.

+ Khu du lịch sinh thái Lục Ngạn - Sơn Động: phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch nông nghiệp gắn với vùng cây ăn quả và cảnh quan đồi núi.

+ Khu du lịch sinh thái, lịch sử văn hóa Yên Thế: phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng kết hợp với tìm hiểu văn hóa lịch sử và nối kết với vùng sinh thái núi Trại Cau (tỉnh Thái Nguyên).

- Nông, lâm nghiệp: phát triển nông nghiệp công nghệ cao tại Lục Ngạn, Sơn Động, Lục Nam, Hiệp Hòa, Tân Yên - Yên Thế; bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ khu vực Tây Yên Tử; phát triển nông nghiệp đô thị gắn với các vùng ven sông và hành lang xanh.

- Trung tâm hành chính - chính trị: phát triển hệ thống trung tâm hành chính gắn với tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; phát triển hệ thống chính quyền số, hành chính công một cấp.

- Khu bảo tồn di sản văn hóa, di tích lịch sử, cảnh quan thiên nhiên:

+ Di sản văn hóa thế giới, di sản văn hóa phi vật thể: chùa Vĩnh Nghiêm, di sản Dân ca Quan họ Bắc Ninh (UNESCO); bảo tồn không gian văn hóa làng Quan họ và các thiết chế văn hóa truyền thống. Kiểm soát phát triển chặt chẽ theo quy định của Luật Di sản văn hóa.

+ Hệ thống di tích quốc gia đặc biệt và di tích quốc gia: chùa Dâu, chùa Bút Tháp, chùa Phật Tích, đền Đô, lăng Kinh Dương Vương, khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc và các di tích khác trên địa bàn tỉnh.

+ Các khu bảo tồn làng nghề truyền thống (Đồng Kỵ, Phù Khê, Phù Lãng, Thổ Hà, Chũ...).

+ Khu dự trữ thiên nhiên Tây Yên Tử (Sơn Động, Lục Nam).

+ Hình thành các khu vực bảo tồn đất ngập nước và hệ sinh thái ven sông, các vùng bảo vệ cảnh quan dọc sông Đuống, sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam. Bảo vệ các khu vực ngập nước, bán ngập, vùng cảnh quan sinh thái hồ Cẩm Sơn, hồ Khuôn Thần.

g) Định hướng hệ thống trung tâm:

- Trung tâm cấp quốc gia: trung tâm công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp bán dẫn, đổi mới sáng tạo và logistics đa phương thức tại vùng đô thị trung tâm; trung tâm vận tải hàng không, logistics hàng không và thương mại quốc tế gắn với Cảng hàng không quốc tế Gia Bình, khu phức hợp y tế chuyên sâu tại đô thị Gia Thuận.

- Trung tâm cấp vùng: trung tâm công nghiệp điện tử, bán dẫn gắn với khu vực Yên Phong, Quế Võ, Hiệp Hòa, Bắc Giang; trung tâm logistics liên vận quốc tế gắn với Ga Kép; trung tâm giáo dục và đào tạo tại Từ Sơn, Tiên Du, Gia Thuận; trung tâm du lịch văn hóa - lịch sử gắn với Tây Yên Tử và di sản văn hóa Kinh Bắc; trung tâm kinh doanh - tài chính - tiền tệ - đô thị hỗn hợp tại Kinh Bắc, Bắc Giang, Đại Lai, Đồng Việt.

- Trung tâm cấp tỉnh: hệ thống trung tâm hành chính, văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học và công nghệ, thể dục thể thao của tỉnh, tập trung tại các đô thị Bắc Giang và Kinh Bắc; đồng thời phát triển các trung tâm công cộng cấp tỉnh tại các phân vùng, bảo đảm phân bố hợp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển cân bằng giữa 03 phân vùng động lực.

- Hệ thống các trung tâm dịch vụ tổng hợp bố trí tại các đô thị hạt nhân, gắn với các hành lang kinh tế và trục động lực phát triển (cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn, Vành đai 4, Vành đai 5, quốc lộ 18, quốc lộ 1A...).

- Các đô thị phát triển các chức năng tổng hợp để cung cấp đầy đủ các dịch vụ công cộng chất lượng cao cho người dân, lao động công nghiệp và khách du lịch.

- Phát triển hệ thống không gian công cộng, công trình công cộng dọc hành lang sông Cầu, sông Đuống, sông Thương, tại các vị trí trọng điểm du lịch, văn hóa và đô thị.

7. Thiết kế đô thị tổng thể

a) Phân vùng cảnh quan:

Phát triển không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị, nông thôn gắn với phát huy cảnh quan sinh thái đặc trưng vùng đồng bằng sông Hồng, hệ thống sông ngòi gắn với bản sắc văn hóa Kinh Bắc và đồi núi phía Bắc, phía Đông:

- Vùng cảnh quan đô thị tập trung (khu vực đô thị Kinh Bắc, Bắc Giang, Từ Sơn, Tiên Du, Yên Phong, Quế Võ, Hiệp Hòa): phát triển đô thị đồng bộ, hiện đại, tối ưu hóa không gian ven sông, không gian xanh đô thị, hình thành các nêm xanh gắn kết mặt nước với hệ thống nông nghiệp đô thị; cải tạo, chỉnh trang các khu vực hiện hữu.

- Vùng cảnh quan đô thị hàng không (khu vực Gia Thuận): phát triển không gian đô thị hiện đại gắn với sân bay, kiểm soát chiều cao, mật độ; kết hợp bảo tồn các khu vực có di sản văn hóa và cảnh quan tự nhiên mang tính đặc trưng gắn với mô hình đô thị sân bay, phố trong vườn, đô thị trở về nguồn cội người Việt cổ.

- Vùng cảnh quan nông thôn (khu vực đồng bằng ven sông và khu vực đồi núi): gìn giữ cảnh quan làng xóm, không gian văn hóa truyền thống Kinh Bắc, hệ thống đình, chùa, đền, miếu và cảnh quan nông nghiệp đặc trưng.

- Vùng cảnh quan sinh thái đồi núi (Lạng Giang, Lục Ngạn, Sơn Động, Lục Nam, Tân Yên, Yên Thế): bảo tồn rừng tự nhiên, phòng hộ, khu vực cảnh quan đặc trưng và đa dạng sinh học; phát triển du lịch sinh thái, văn hóa gắn với không gian Tây Yên Tử, Biên Sơn và Xuân Lương; kiểm soát chặt chẽ hoạt động xây dựng, hạn chế phát triển đô thị trên các khu vực có địa hình dốc và nhạy cảm về sinh thái.

b) Kiểm soát phát triển không gian:

- Định hướng về tầng cao: khu vực ưu tiên bố trí cao tầng bao gồm các khu vực trung tâm của đô thị, khu phát triển theo mô hình TOD, khu nhà ở xã hội, khu vực lân cận các điểm nút giao thông hoặc trục giao thông chính. Bố trí trung tầng, thấp tầng tại các khu vực đô thị, làng xóm hiện trạng cải tạo, chỉnh trang hoặc khu vực phát triển đô thị theo hướng sinh thái. Tầng cao công trình phải phù hợp với cảnh quan chung, không làm cản trở tầm nhìn theo các hướng nhìn quan trọng, tương đồng với đặc điểm hiện trạng của khu vực xây dựng. Phát triển hài hòa, hạn chế phát triển cao tầng gần các di tích lịch sử văn hóa, ảnh hưởng đến phạm vi đồi núi cần bảo tồn như núi Phật Tích, núi Nham Biền, núi Bàn Cờ.

- Định hướng về mật độ xây dựng: quản lý theo hướng mật độ thấp đối với các khu vực hành lang xanh, vành đai xanh, nêm xanh, khu vực lân cận với không gian mặt nước. Các khu vực phát triển mới như khu đào tạo, khu du lịch, khu nhà ở sinh thái và các khu vực xung quanh các công trình tôn giáo, tín ngưỡng được kiểm soát theo hướng mật độ thấp, tăng cường diện tích cây xanh. Khuyến khích phát triển đô thị nén có mật độ cao tại các khu vực trung tâm đô thị, trong đó ưu tiên các khu vực tiếp cận giao thông khối lượng lớn tại Từ Sơn, Tiên Du, Yên Phong, Kinh Bắc, Thuận Thành, Sen Hồ, Bắc Giang, Việt Yên, Tiên Phong, Tân Tiến, Quế Võ.

- Các quy định chi tiết về tầng cao, mật độ xây dựng, khoảng lùi đối với các công trình ven sông, ven hồ, trong khu bảo tồn di tích sẽ được cụ thể hóa trong Quy định quản lý theo hồ sơ quy hoạch chung, Quy chế quản lý kiến trúc

đô thị Bắc Ninh, các quy hoạch chung xã, quy hoạch phân khu và thiết kế đô thị trên nguyên tắc bảo đảm hài hòa với không gian tự nhiên và không gian cảnh quan đô thị.

c) Kiểm soát phát triển các không gian công cộng:

- Các khu vực cửa ngõ, trục không gian chính: cửa ngõ phía Nam đô thị là các nút giao các tuyến cao tốc CT.01, đường Vành đai 4, Vành đai 4,5, Vành đai 5 với đường chính của đô thị; cửa ngõ phía Bắc là nút giao đường Vành đai 5 với CT.01 tại Kép; cửa ngõ phía Tây là các nút giao quốc lộ 37, quốc lộ 17, CT 09, các đường vành đai tại ranh giới đô thị; cửa ngõ phía Đông là đoạn tiếp giáp ranh giới đô thị theo các đường nối cảng hàng không Gia Bình với Quảng Ninh, Hải Phòng, quốc lộ 18. Trục không gian chính bao gồm trục không gian Bắc - Nam theo quốc lộ 1 và CT.01, Đường nối cảng hàng không Gia Bình với trung tâm Bắc Giang; trục không gian theo hướng Đông - Tây bao gồm Đường nối cảng hàng không Gia Bình với Hà Nội; quốc lộ 18, quốc lộ 17, quốc lộ 37, quốc lộ 31, đường tỉnh 282.

- Tổ chức hệ thống điểm nhấn đô thị: phát triển các tổ hợp công trình cao tầng gắn với quảng trường lớn tại các đô thị hạt nhân như Kinh Bắc, Bắc Giang, Quế Võ nhằm tạo điểm nhấn diện đặc trưng. Xây dựng các biểu tượng kiến trúc, phát triển hệ thống không gian mở dọc hành lang hệ thống sông Cầu, sông Đuống, sông Thương, sông Lục Nam. Phát triển các tổ hợp kiến trúc nén đa chức năng tại các nút giao thông cửa ngõ, nhà ga TOD, khu vực Cảng hàng không quốc tế Gia Bình. Bố trí các thiết chế văn hóa mang đậm bản sắc Kinh Bắc có hình thái kiến trúc hài hòa, không lấn át không gian di tích lịch sử. Toàn bộ mạng lưới điểm nhấn phải được liên kết đồng bộ với hệ thống giao thông công cộng, bảo đảm không gian tiếp cận thuận lợi và an toàn cho cộng đồng.

- Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên và di sản văn hóa: khoanh vùng, tổ chức hành lang bảo vệ, hành lang đệm, hành lang quan sát đối với các khu vực cảnh quan sinh thái tự nhiên như Tây Yên Tử, hành lang ven sông, khu vực thành cổ Bắc Ninh và các núi trong đô thị như Nham Biền, Phật Tích, Bàn Cờ, Dinh, Tiêu, Thiên Thai. Tổ chức và quản lý cấu trúc không gian cấu thành nên các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể đã được cấp có thẩm quyền xếp hạng (Dân ca Quan họ Bắc Ninh, di tích Chùa Vĩnh Nghiêm, Chùa Dâu, Chùa Bút Tháp, Đền Đô, Khởi nghĩa Yên Thế...). Việc thiết lập chỉ tiêu về tầng cao, mật độ và hình thái kiến trúc đối với mọi hoạt động xây dựng trong, lân cận phạm vi di sản được thực hiện trong quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết hoặc thiết kế đô thị riêng.

- Phát triển không gian mở, quảng trường, tiện ích công cộng khuyến khích đi bộ và tiếp cận nhà ga TOD; tổ chức không gian ngầm tại trung tâm; hình

thành quảng trường chính trị - văn hóa gắn trung tâm hành chính, thể thao, di tích, đủ sức chứa cho lễ hội lớn; bảo đảm phục vụ mọi lứa tuổi, ưu tiên người yếu thế, người khuyết tật.

d) Định hướng phát triển không gian cây xanh, mặt nước:

- Phát triển công viên ven sông Cầu, sông Đuống, sông Thương; phát triển công viên đô thị theo phân cấp phục vụ; quản lý hệ thống nêm xanh, hành lang xanh kết nối với không gian tự nhiên; khai thác vùng núi Nham Biền, Phật Tích thành không gian xanh công cộng.

- Bảo đảm mạng lưới cây xanh dễ tiếp cận, đạt tỷ lệ cây xanh - mặt nước theo tiêu chuẩn đô thị; dành quỹ đất xanh cạnh nhà ở xã hội, nhà ở công nhân; hướng tới thành phố xanh, đa dạng sinh học.

- Giữ gìn, khôi phục hệ thống sông - hồ - đầm (hồ Cẩm Sơn, hồ Khuôn Thân, các hồ tự nhiên), thiết lập hành lang bảo vệ, tạo cảnh quan sinh thái liên hoàn dọc các tuyến sông.

- Bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; khuyến khích sản xuất ven khu dân cư thành rừng cảnh quan - du lịch dưới tán; phát triển mô hình công viên rừng trong đô thị gắn kinh tế xanh, tín chỉ carbon và nghỉ dưỡng.

8. Định hướng quy hoạch sử dụng đất

a) Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2040

Đất xây dựng khoảng 196.000 - 200.000 ha, bao gồm:

- Đất dân dụng: khoảng 74.000 - 75.000 ha. Trong đó: đất đơn vị ở khoảng 48.000 - 49.000 ha; đất hỗn hợp (đơn vị ở và dịch vụ - công cộng) khoảng 3.000 - 3.500 ha; đất dịch vụ - công cộng đô thị khoảng 4.000 - 4.500 ha; đất cơ quan, trụ sở cấp đô thị khoảng 500 - 600 ha; đất cây xanh sử dụng công cộng đô thị khoảng 6.000 - 6.500 ha; đất giao thông đô thị khoảng 9.000 - 9.500 ha; đất hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị khoảng 1.000 - 1.500 ha.

- Đất ngoài dân dụng: khoảng 122.000 - 125.000 ha. Trong đó: đất sản xuất công nghiệp, kho tàng khoảng 30.000 - 31.000 ha; đất trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoảng 1.000 - 1.500 ha; đất cơ quan, trụ sở ngoài đô thị khoảng 20 - 30 ha; đất trung tâm y tế khoảng 600 - 700 ha; đất trung tâm văn hóa, thể dục thể thao khoảng 800 - 900 ha; đất dịch vụ, du lịch khoảng 3.000 - 3.500 ha; đất cây xanh sử dụng hạn chế khoảng 1.000 - 1.500 ha; đất cây xanh chuyên dụng khoảng 1.000 - 1.500 ha; đất di tích, tôn giáo khoảng 1.000 - 1.500 ha; đất điểm dân cư nông thôn khoảng 52.000 - 52.500 ha; đất giao thông đối ngoại khoảng 19.000 - 19.500 ha; đất hạ tầng kỹ thuật khác khoảng 2.000 - 2.500 ha.

- Đất nông nghiệp và chức năng khác (sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, nghĩa trang, hồ ao, sông suối,...): khoảng 275.000 - 276.000 ha.

b) Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2050

Đất xây dựng khoảng 228.000 - 230.000 ha, bao gồm:

- Đất dân dụng: khoảng 84.000 - 85.000 ha. Trong đó: đất đơn vị ở khoảng 53.500 - 54.500 ha; đất hỗn hợp (đơn vị ở và dịch vụ - công cộng) khoảng 5.000 - 5.500 ha; đất dịch vụ - công cộng đô thị khoảng 5.500 - 6.000 ha; đất cơ quan, trụ sở cấp đô thị khoảng 600 - 700 ha; đất cây xanh sử dụng công cộng đô thị khoảng 7.000 - 7.500 ha; đất giao thông đô thị khoảng 10.000 - 10.500 ha; đất hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị khoảng 1.500 - 2.000 ha.

- Đất ngoài dân dụng: khoảng 143.000 - 145.000 ha. Trong đó: đất sản xuất công nghiệp, kho tàng khoảng 31.000 - 31.500 ha; đất trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoảng 1.000 - 1.500 ha; đất cơ quan, trụ sở ngoài đô thị khoảng 20 - 30 ha; đất trung tâm y tế khoảng 600 - 700 ha; đất trung tâm văn hóa, thể dục thể thao khoảng 900 - 1.000 ha; đất dịch vụ, du lịch khoảng 8.500 - 9.000 ha; đất cây xanh sử dụng hạn chế khoảng 5.500 - 6.000 ha; đất cây xanh chuyên dụng khoảng 4.000 - 4.500 ha; đất di tích, tôn giáo khoảng 1.500 - 2.000 ha; đất điểm dân cư nông thôn khoảng 57.000 - 57.500 ha; đất giao thông đối ngoại khoảng 20.500 - 21.000 ha; đất hạ tầng kỹ thuật khác khoảng 3.000 - 3.500 ha.

- Đất nông nghiệp và chức năng khác (sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nghĩa trang, hồ ao, sông suối,...): khoảng 243.000 - 244.000 ha.

(Chi tiết dự kiến quy hoạch sử dụng đất đai toàn đô thị theo giai đoạn phát triển tại Phụ lục kèm theo)

9. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Công nghiệp:

- Khu công nghiệp: tổng diện tích khoảng 25.000 ha. Định hướng ngành: dịch chuyển từ gia công, lắp ráp sang bán dẫn - vi mạch, trí tuệ nhân tạo, thiết bị bay không người lái, công nghiệp hàng không (gắn Cảng hàng không quốc tế Gia Bình) và R&D; chuyển đổi các khu hiện hữu sang mô hình khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ thế hệ mới.

- Cụm công nghiệp: tổng diện tích khoảng 6.000 - 6.500 ha. Từng bước chuyển đổi sang mô hình cụm công nghiệp xanh có xử lý nước thải tập trung, quan trắc tự động; ưu tiên công nghiệp hỗ trợ, cơ khí chính xác, chế biến sâu nông sản tại khu vực phía Đông.

b) Thương mại, dịch vụ:

- Thương mại, dịch vụ: phát triển thương mại dịch vụ truyền thống và thương mại điện tử, dịch vụ theo mạng lưới gắn với hệ thống đô thị; phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ đầu mối nông sản tại các đô thị hạt nhân. Phát triển chợ đầu mối cấp vùng tại phường Tiền Phong.

- Logistics: phát triển logistics đa phương thức, thông minh; hình thành 03 cực logistics chính: Quế Võ (thủy nội địa - cảng cạn), Gia Bình (logistics hàng không), Kép (logistics đường sắt liên vận quốc tế); phát triển mạng ICD vệ tinh gom hàng theo vùng công nghiệp.

- Thương mại quốc tế: nghiên cứu phát triển Khu thương mại tự do gắn với Cảng hàng không quốc tế Gia Bình; phát triển thương mại cửa khẩu, cảng cạn - ICD gắn với đường sắt liên vận quốc tế tại Ga Kép - Đồng Đăng.

c) Du lịch:

- Phát triển Bắc Ninh trở thành điểm đến du lịch văn hóa - lịch sử hàng đầu khu vực miền Bắc, lấy công nghiệp văn hóa và du lịch sáng tạo làm động lực đột phá. Đồng thời, kết hợp đa dạng hóa các sản phẩm du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp và du lịch hội nghị, hội thảo, triển lãm và sự kiện (MICE).

- Các không gian du lịch trọng điểm: Khu du lịch văn hóa - lịch sử Tây Yên Tử (định hướng khu du lịch quốc gia), kèm sân golf Tây Yên Tử; không gian du lịch văn hóa Kinh Bắc với hệ thống tổ hợp nghỉ dưỡng - thể thao golf: Không gian du lịch văn hóa Kinh Bắc và Không gian du lịch sinh thái đồi núi phía Bắc với hệ thống tổ hợp nghỉ dưỡng - thể thao golf như: Trí Quả, Đào Viên, Phật Tích, Nham Biền, Khuôn Thần, Hồ Cao, Tây Yên Tử, Dạm...; không gian du lịch sinh thái Lục Ngạn - Sơn Động gắn hồ Cẩm Sơn, hồ Khuôn Thần; không gian du lịch sinh thái, cách mạng Tân Yên – Yên Thế gắn với hồ Cầu Dẽ, hồ Đá Ong và hệ thống di tích lịch sử cách mạng khởi nghĩa Yên Thế.

d) Nông, lâm, ngư nghiệp:

- Bảo vệ quỹ đất lúa năng suất cao và đất lâm nghiệp đặc hữu. Phát triển vùng chuyên canh cây ăn quả tập trung (như vải thiều Lục Ngạn) và nông nghiệp công nghệ cao tại Lục Ngạn, Sơn Động, Lục Nam, Hiệp Hòa, Tân Yên - Yên Thế; hình thành các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao quy mô lớn.

- Phát triển lâm nghiệp bền vững, bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; phát triển kinh tế rừng gắn với du lịch sinh thái; hình thành các khu nông lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Phát triển thủy sản, nuôi trồng nước ngọt gắn với hệ thống sông, hồ; phát triển nông nghiệp đô thị tại các vùng ven đô.

đ) Trụ sở làm việc cơ quan hành chính:

Phát triển hệ thống trung tâm hành chính gắn với tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, gắn với xây dựng hệ thống hành chính số, thông minh, hiện đại, số hóa, liên thông và thân thiện với người dân; bố trí, sắp xếp, nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở nhà, đất, tài sản công; từng bước hình thành trung tâm hỗn hợp kết hợp các chức năng đô thị, hành chính và các tiện ích cấp đô thị.

e) Nhà ở:

- Phát triển nhà ở bền vững, gắn kết chặt chẽ với thị trường bất động sản và chiến lược tái cấu trúc không gian đô thị. Ưu tiên áp dụng các mô hình đô thị nén và đô thị đa chức năng.

- Tích hợp không gian đa mục tiêu (nhà ở kết hợp thương mại, dịch vụ) tại các nút giao thông trọng điểm, ga đường sắt đô thị, bến xe và trạm trung chuyển nhằm tối ưu hóa kết nối giao thông công cộng.

- Ưu tiên quy hoạch các khu nhà ở tập trung quy mô lớn (bao gồm nhà ở xã hội, nhà ở công nhân và nhà ở cho thuê) tại các khu vực lân cận các khu công nghiệp, khu công nghệ cao và trung tâm dịch vụ; bảo đảm đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội. Phát triển quỹ nhà ở xã hội đáp ứng nhu cầu của người lao động và yêu cầu phát triển Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc trung ương.

g) Y tế và chăm sóc sức khỏe:

- Phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng y tế đồng bộ, hiện đại, chuyên sâu, chất lượng cao; bảo đảm khả năng tiếp cận thuận lợi cho mọi tầng lớp dân cư theo phân bố không gian đô thị và nông thôn. Tăng cường chăm sóc sức khỏe tâm thần và bệnh nghề nghiệp đối với khu vực công nhân trong các khu công nghiệp.

- Phát triển Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 1 thành bệnh viện cấp chuyên sâu, quy mô tối thiểu 2.500 giường bệnh; nghiên cứu hình thành khu nghiên cứu y sinh tại khu vực Tân Chi. Giai đoạn 2031 - 2050 hình thành khu phức hợp y tế cấp vùng quy mô khoảng 200 ha tại phường Ninh Xá và Trạm Lộ gồm bệnh viện quốc tế, trung tâm nghiên cứu, viện - trường. Phấn đấu đến năm 2050 đạt 50 - 55 giường bệnh/10.000 dân.

- Thúc đẩy liên kết giữa bệnh viện, viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo y dược; phát triển y tế dự phòng, y tế cộng đồng; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý sức khỏe.

- Thu hút đầu tư y tế tư nhân chất lượng cao, phát triển du lịch y tế, chăm sóc sức khỏe gắn với du lịch sinh thái (khu vực Tây Yên Tử, Lục Ngạn, Sơn Động). Quy hoạch, thu hút đầu tư cơ sở dưỡng lão đáp ứng nhu cầu theo dự báo tiến trình già hóa dân số.

h) Giáo dục, đào tạo:

- Thu hút phát triển các trường đại học, viện nghiên cứu, trung tâm chuyển giao công nghệ; hình thành cụm giáo dục - đào tạo tại Tiên Du, Từ Sơn, Bắc Giang; quy hoạch phát triển các ngành đào tạo về hàng không, hàng hải tại khu vực đô thị Gia Bình gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho công nghiệp công nghệ cao, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI).

- Phát triển hệ thống trường phổ thông theo quy hoạch, phân bố dân cư từng khu vực đô thị, nông thôn, bảo đảm quy mô, tiêu chuẩn và bán kính phục vụ thuận lợi, bảo đảm mỗi xã, phường, đơn vị ở có tối thiểu trường mầm non công lập, trường tiểu học công lập, trung học cơ sở công lập; 2 - 3 vạn dân có một trường trung học phổ thông công lập phù hợp với nhu cầu thực tế. Phát triển trường có nhiều cấp học tiên tiến, hiện đại tại những nơi có điều kiện kinh tế phát triển; trường phổ thông liên cấp tiên tiến, hiện đại, chất lượng cao. Xây dựng hệ thống trường chuyên, trường quốc tế tại khu vực. Cải tạo, nâng cấp các cơ sở giáo dục hiện hữu trong đô thị; xây dựng hệ thống trường phổ thông các cấp và trường mầm non theo quy hoạch, quy mô và chỉ tiêu đạt chuẩn quốc gia.

i) Văn hóa và công nghiệp sáng tạo:

- Bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể, tư liệu, phi vật thể, ưu tiên các di sản văn hóa được UNESCO ghi danh và các di tích quốc gia đặc biệt. Phát triển ngành công nghiệp văn hóa gắn với việc thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam.

- Phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa, bảo tàng, thư viện, không gian trải nghiệm văn hóa, mô hình thư viện mở, trung tâm nghệ thuật cộng đồng gắn với ứng dụng công nghệ số.

- Xây mới, nâng cấp hệ thống thiết chế văn hóa cấp tỉnh; đầu tư các thiết chế văn hóa - thể thao tại các đô thị và khu vực nông thôn theo tiêu chuẩn đô thị tương ứng.

- Xây dựng, phát huy giá trị các vùng, không gian văn hóa, di tích văn hóa - lịch sử, cảnh quan để phát triển kinh tế, du lịch và nâng cao đời sống tinh thần cho cộng đồng.

k) Bảo tồn di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh:

- Bảo tồn hệ thống di sản văn hóa, lịch sử với hệ thống 09 di tích quốc gia đặc biệt: Khởi nghĩa Yên Thế, Chùa Vĩnh Nghiêm, Chùa Bồ Đà, Địa điểm chiến thắng Xương Giang, An toàn khu (ATK) II Hiệp Hòa, Chùa Dâu, Chùa Bút Tháp, Chùa Phật Tích, Khu Lăng mộ và đền thờ các vị vua triều Lý (Đền Đô).

- Bảo tồn và phát huy giá trị các lễ hội truyền thống tiêu biểu: Lễ hội Lim (Quan họ), hội Đền Đô, lễ hội chùa Dâu, lễ hội Yên Tử và các lễ hội truyền thống khác.

- Xây dựng các làng văn hóa - du lịch gắn với bảo tồn kiến trúc truyền thống, làng nghề, không gian Quan họ; phát triển sản phẩm du lịch văn hóa đặc thù.

l) Thể dục thể thao:

- Phát triển tổ hợp thể thao cấp tỉnh; xây dựng trung tâm huấn luyện vận động viên chất lượng cao, các cung thể thao hiện đại phục vụ tổ chức sự kiện thể thao cấp quốc gia và quốc tế.

- Nâng cấp sân vận động, nhà thi đấu, bể bơi, cung thể thao, công viên thể thao và không gian luyện tập ngoài trời tại các đô thị; phát triển hệ thống công viên thể thao, không gian vận động công cộng trong các khu đô thị mới.

- Phát triển hệ thống sân golf, khu du lịch thể thao sinh thái tại các khu vực có lợi thế cảnh quan (Sơn Động, Lục Ngạn, khu vực ven hồ Cẩm Sơn...).

m) Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Phát triển hệ sinh thái khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo mô hình lấy doanh nghiệp làm trung tâm; hình thành cụm trung tâm nghiên cứu, công nghiệp công nghệ cao, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cấp vùng đô thị Hà Nội; thành lập Trung tâm Đổi mới sáng tạo Bán dẫn và Vi mạch và Trung tâm Đổi mới sáng tạo Nông nghiệp công nghệ cao; phát triển các khu công nghệ số tập trung; thúc đẩy kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh.

10. Định hướng phát triển không gian ngầm và kinh tế tầm thấp

- Phát triển không gian ngầm bảo đảm kết nối đồng bộ với hệ thống giao thông công cộng và hạ tầng kỹ thuật, cụ thể:

- + Phát triển không gian ngầm tập trung gắn với các đô thị trung tâm: Kinh Bắc, Bắc Giang, Từ Sơn, Gia Thuận và các khu vực trung tâm thương mại, dịch vụ, ga đường sắt đô thị, nút giao thông trọng điểm. Xây dựng cơ chế quản lý, khai thác không gian ngầm theo phân tầng phù hợp với đặc điểm địa chất của từng khu vực.

+ Phát triển công trình công cộng ngầm tập trung tại các trung tâm đô thị, khu vực ga TOD, khu thương mại - dịch vụ, bãi đỗ xe ngầm; tổ chức hệ thống hào kỹ thuật hoặc tuy nèn ngầm đồng bộ tại các khu đô thị phát triển mới.

+ Nghiên cứu phát triển các công trình hạ tầng ngầm: hầm đường bộ, hầm ga đường sắt đô thị tại các khu vực có mật độ giao thông cao; hệ thống kho ngầm, bãi đỗ xe ngầm tại các đô thị trung tâm. Phối hợp với Quảng Ninh nghiên cứu xây dựng đường ngầm kết nối hai đô thị Bắc Ninh - Quảng Ninh, phù hợp với quy hoạch mạng lưới đường bộ.

- Nghiên cứu các hành lang cho phát triển kinh tế tầm thấp để phục vụ cho vận tải trên không, khai thác không gian bay cho hoạt động dân sự, bảo đảm các quy định về an ninh, quốc phòng và quản lý vùng trời quốc gia.

11. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật:

a) Định hướng hạ tầng liên kết vùng, hạ tầng đầu mối và phát triển hạ tầng xanh, thông minh, thích ứng biến đổi khí hậu:

- Phát triển mạng lưới hạ tầng kỹ thuật khung liên kết vùng, gắn kết đô thị Bắc Ninh với vùng đô thị Hà Nội và vùng đồng bằng sông Hồng thông qua hệ thống cao tốc, vành đai của Hà Nội, quốc lộ, đường sắt, đường thủy nội địa và Cảng hàng không quốc tế Gia Bình.

- Phát triển hạ tầng đô thị xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng mô hình đô thị thông minh theo Nghị định số 269/2025/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

- Hình thành mạng lưới hạ tầng xanh liên tục trên phạm vi toàn tỉnh, gắn kết hệ thống sông Cầu, sông Đuống, sông Thương, sông Lục Nam, hồ Cẩm Sơn, hồ Khuôn Thần với không gian đô thị, tạo hành lang sinh thái và điều hòa vi khí hậu.

- Phát triển hệ thống thoát nước mưa bền vững (SuDS), ưu tiên áp dụng mô hình đô thị bọt biển, chuyển từ tư duy tiêu thoát nước truyền thống sang quản lý tổng hợp nước mưa.

- Các khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu chức năng bố trí quỹ đất cho hạ tầng xanh, hồ điều hòa, khu vực lưu trữ nước, mặt phủ thấm nước và các giải pháp giảm ngập đô thị.

b) Giao thông:

- Đường bộ:

+ Giao thông đối ngoại:

- Các tuyến cao tốc, quốc lộ, vành đai khi đi qua đô thị bố trí các tuyến đường gom, các vị trí, hình thức giao cắt bảo đảm quy định an toàn giao thông.

- Cao tốc CT.01 Hà Nội - Bắc Ninh - Lạng Sơn và CT.07 Hà Nội – Thái Nguyên: nâng cấp mở rộng. Xây dựng cao tốc Hà Nội – Gia Bình – Quảng Ninh (CT.45): trực kết nối sân bay Gia Bình với Hà Nội, Hải Phòng và các trung tâm đô thị.

- Đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội (quy mô giai đoạn 1: 4 làn xe): trực liên kết chiến lược giữa khu công nghiệp, đô thị, ICD, cảng sông, Cảng hàng không quốc tế Gia Bình. Đường Vành đai 5 - Vùng Thủ đô gắn với khu vực Tân Yên - Yên Thế, Lạng Giang.

- Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường quốc lộ trên địa bàn tỉnh (quốc lộ 1A, quốc lộ 18, quốc lộ 31, quốc lộ 37, quốc lộ 17 và các quốc lộ khác); phát triển các tuyến tốc độ cao kết nối sân bay Gia Bình với Hà Nội, Hải Phòng; Bắc Giang - Sơn Động - Hạ Long (Quảng Ninh) và tuyến nối các trung tâm đô thị.

- Các tuyến đường tỉnh kết nối với khung giao thông vùng, quốc gia (cao tốc, quốc lộ, vành đai); phát triển hệ thống đường tỉnh kết nối khu công nghiệp với ICD, cảng sông, ga đường sắt, sân bay, quy mô có làn tiêu chuẩn cho xe container.

+ Giao thông đô thị: cải tạo, nâng cấp mạng lưới đường đô thị hiện hữu đáp ứng nhu cầu phát triển của đô thị. Bổ sung, điều chỉnh mạng lưới giao thông và các công trình hạ tầng giao thông theo định hướng phát triển không gian tại các khu vực xây dựng mới. Nâng cấp, kết hợp xây dựng mới hệ thống đường chính đô thị, đường liên khu vực, đường chính khu vực bảo đảm tính khả thi trong quá trình tổ chức lập quy hoạch.

- Đường sắt:

+ Phát triển mạng lưới đường sắt kết nối liên vùng bao gồm giữa các tỉnh xung quanh quốc gia, đường sắt địa phương thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng và tạo động lực phát triển đô thị, công nghiệp, dịch vụ, du lịch, thương mại... thực hiện phát triển logistics liên vùng, quốc tế.

- Tuyến đường sắt tốc độ cao Hà Nội – Quảng Ninh: đường đôi, khổ 1.435 mm, chiều dài khoảng 124 km.

- Tuyến Hà Nội - Đồng Đăng: tuyến xây dựng đồng bộ, hiện đại, hướng tuyến mới kết hợp tận dụng hành lang tuyến cũ, khổ lòng 1.435 mm.

- Tuyến Lưu Xá – Kép, tuyến Kép – Hạ Long – Cái Lân: nâng cấp, cải tạo để tối ưu hóa năng lực vận tải hàng hóa, hành khách.

- Tuyến rẽ nhánh đến khu vực Gia Bình (bổ sung mới) từ tuyến Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng.

- + Đường sắt đô thị: nghiên cứu phát triển các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt nội ngoại kết nối với Yên Phong, Tiên Du, Quế Võ, Gia Bình; kết nối các tuyến đường sắt đô thị Hà Nội với Bắc Ninh phù hợp với Quy hoạch Thủ đô Hà Nội. Nghiên cứu chuyển đổi công năng một số tuyến/đoạn đường sắt hiện có để giao các địa phương quản lý, vận hành hiệu quả.

- Đường thủy:

- + Phát triển mạng lưới vận tải thủy nội địa gắn với hệ thống sông Đuống, sông Cầu, sông Thái Bình, sông Thương, sông Lục Nam; kết nối với cảng biển Hải Phòng - Quảng Ninh.

- + Phát triển mạng lưới cảng thủy, bến thủy, tuyến vận tải thủy container; xây dựng ICD Quế Võ thành trung tâm logistics thủy - cảng cạn - khu công nghiệp; nghiên cứu tuyến vận tải container Quế Võ - Hải Phòng gắn với vận tải xanh.

- Hàng không:

- + Phát triển Cảng hàng không quốc tế Gia Bình tiêu chuẩn cấp 4F của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO), công suất giai đoạn đến 2030 khoảng 30 triệu hành khách/năm và 1,6 triệu tấn hàng hóa/năm; tầm nhìn đến năm 2050 đạt 50 triệu hành khách/năm và 2,5 triệu tấn hàng hóa/năm. Hình thành hệ sinh thái logistics hàng không, vận tải không gian tầm thấp gắn với công nghiệp công nghệ cao, thương mại điện tử, kho lạnh, kho ngoại quan.

- + Nâng cấp, cải tạo sân bay Kép phục vụ an ninh, quốc phòng.

- + Bãi đỗ trực thăng: bố trí các bãi đỗ trực thăng cứu hộ, cứu nạn tại các khu vực trọng điểm, kết hợp phát triển tại các vùng du lịch tiềm năng có nhu cầu.

- Giao thông công cộng:

- + Phát triển mạng lưới vận tải hành khách công cộng đa phương thức: đường sắt đô thị, xe buýt điện, xe dịch vụ sử dụng năng lượng sạch gắn với mô hình TOD và đô thị thông minh, bảo đảm tỷ lệ đáp ứng nhu cầu giao thông công cộng (GTCC) đạt 25 - 30% vào năm 2030; 40 - 45% vào năm 2040; 55 - 60% vào năm 2050.

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu, ứng dụng chuyên đổi số, trí tuệ nhân tạo để quản lý, khai thác tối đa năng lực hệ thống giao thông.

- Công trình giao thông:

+ Hệ thống cầu: phát triển hệ thống cầu qua sông Cầu, sông Đuống, sông Thương, sông Lục Nam phục vụ liên kết nội tỉnh và liên vùng; ưu tiên các cầu kết nối khu công nghiệp với đầu mối logistics.

+ Hạ tầng logistics: quy hoạch hệ thống cảng cạn (ICD) theo mô hình mạng lưới phân tầng: Quế Võ và Trung Kênh (đầu mối thủy nội địa - cảng biển), Gia Bình (hàng không - đường sắt), Kép (liên vận quốc tế); các ICD Yên Phong, Tiên Sơn, Sen Hồ, Phong Khê... là vệ tinh gom hàng.

+ Hệ thống bến xe, bãi đỗ xe: xây dựng hệ thống bến xe khách liên tỉnh, bãi đỗ xe trung chuyển đa phương tiện; xây dựng các bến xe tải gắn với các trung tâm logistics, khu, cụm công nghiệp lớn. Ưu tiên dành quỹ đất hợp lý (bao gồm cả các không gian ngầm) để xây dựng các điểm đỗ xe, bãi đỗ xe phù hợp nhu cầu từng khu vực, gắn với hệ thống công trình dịch vụ, giao thông công cộng, công viên cây xanh.

+ Hạ tầng đường sắt đô thị: quy hoạch quỹ đất ga, bãi đỗ xe, quảng trường ga, khu dịch vụ hỗn hợp quanh nhà ga TOD.

Các nội dung cụ thể về hướng tuyến và hạ tầng giao thông quốc gia; số lượng, chiều dài, nguyên tắc xác định đoạn đi ngầm/nổi, vị trí ga và bến bãi sẽ tiếp tục được nghiên cứu, bổ sung dựa trên cơ sở nhu cầu phát triển của đô thị, các điều kiện kinh tế - xã hội, hiệu quả khai thác đất đai... của khu vực và được xác định cụ thể trong giai đoạn lập, thực hiện quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch chi tiết, thực hiện theo dự án đầu tư xây dựng được các cấp thẩm quyền phê duyệt.

c) Thủy lợi, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu:

- Nâng cấp, cải tạo hệ thống công trình thủy lợi hiện có theo hướng hiện đại hóa, tự động hóa; đầu tư cải tạo, xây dựng mới các hồ chứa, trạm bơm, hệ thống kênh nâng cao năng lực tiêu thoát nước cho khu vực đô thị, công nghiệp, khu dân cư; bảo đảm an toàn hồ đập, nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- củng cố, tu sửa, nâng cấp hệ thống đê điều, kè, cống dưới đê và các công trình phòng, chống thiên tai trọng điểm; bảo đảm an toàn phòng, chống lũ cho các tuyến sông Đuống, sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam, sông Thái Bình và các khu dân cư, đô thị, khu công nghiệp trong vùng bảo vệ; nghiên cứu

phương án nắn sông Cầu tại khu vực Vân Hà, Yên Dũng, sông Thương tại khu vực Cảnh Thụy, đầu tư xây dựng mới hệ thống đê điều bao quanh vùng thoát lũ, tạo không gian, dư địa cho phát triển.

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, giám sát thiên tai và biến đổi khí hậu; xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về sạt lở bờ sông, ngập lụt, lũ quét, hạn hán, nguy cơ bão; hiện đại hóa mạng lưới quan trắc, thông tin liên lạc và chỉ huy điều hành phòng, chống thiên tai.

- Kiểm soát chặt chẽ không gian thoát lũ, hành lang bảo vệ đê điều, khu vực bãi sông và các vùng có nguy cơ cao; rà soát, bố trí, di dời dân cư khỏi khu vực nguy hiểm, hạn chế xây dựng tại khu vực có nguy cơ lũ quét, sạt lở, ngập lụt và mất an toàn thiên tai.

d) Cao độ nền:

- Quy hoạch cao độ nền được thiết kế với chu kỳ lặp lại mực nước ngập tính toán được xác định theo loại đô thị; phù hợp với quy hoạch chuyên ngành thủy lợi, tận dụng địa hình tự nhiên, không ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát nước của các khu vực hiện hữu.

- Khu vực được bảo vệ bởi các tuyến đê sông tăng cường hồ điều hòa, rà soát quy mô các trạm bơm tiêu, các cống xả. Khu vực ngoài đê nghiên cứu các giải pháp ổn định nền phòng, chống sạt lở.

- Cao độ nền khống chế của từng khu vực được xác định theo tần suất phù hợp tính chất chức năng bảo đảm thoát nước, hài hòa với các khu vực đã xây dựng ổn định liền kề, có xem xét đến tác động của biến đổi khí hậu. Cao độ khống chế bảo đảm cao hơn mực nước ngập tính toán 0,3 m đối với đất dân dụng và 0,5 m đối với đất công nghiệp.

- Đối với các khu vực đồi núi: tận dụng tối đa địa hình tự nhiên, chỉ san gạt cục bộ khu vực xây dựng và có giải pháp ổn định nền, phòng, chống sạt lở.

đ) Thoát nước mặt:

- Xác định 04 lưu vực chính: Bắc sông Thương, Nam sông Thương, Bắc sông Đuống và Nam sông Đuống. Hướng thoát nước theo địa hình tự nhiên và về các trạm bơm tiêu được xây dựng trong từng lưu vực.

- Bảo đảm quỹ đất đã được bố trí hệ thống hồ điều hòa tại các lưu vực; cải tạo và nâng cấp các hồ, sông, suối, kênh hiện có để điều tiết nước mặt và cải thiện vi khí hậu.

- Đối với các khu vực xây dựng mới, xây dựng hệ thống thoát nước riêng

hoàn toàn bảo đảm không ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước khu vực hiện hữu. Đối với các khu vực hiện hữu cải tạo thành hệ thống nả riêng, tách nước thải về trạm xử lý.

- Xây dựng hệ thống thoát nước mặt đồng bộ với định hướng phát triển không gian, quy hoạch giao thông, tổ chức hệ thống cây xanh - mặt nước cảnh quan; giảm thiểu thiệt hại do thiên tai mưa bão, lũ lụt, sạt lở đất; ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Khuyến khích phát triển công trình tái sử dụng nước mưa, tăng cường áp dụng các giải pháp thoát nước bền vững.

e) Cấp điện, năng lượng và chiếu sáng:

Phát triển hạ tầng năng lượng đồng bộ, hiện đại, an toàn, tin cậy, đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp công nghệ cao, bán dẫn, trung tâm dữ liệu, logistics lạnh và đô thị hóa.

- Dự báo nhu cầu sử dụng điện đến năm 2040 là khoảng 13.000 MW và đến năm 2050 là khoảng 18.000 MW.

- Hệ thống nguồn điện:

Phát triển các nguồn điện phù hợp Quy hoạch điện VIII điều chỉnh (Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2025) gồm: duy trì Nhiệt điện Đồng Rì, phát triển Nhiệt điện An Khánh; hệ thống nhà máy điện rác Bắc Giang, Hiệp Hòa, Bắc Ninh, Quế Võ, Ngũ Thái, Lương Tài; đầu tư các dự án Thủy điện tích năng Cẩm Sơn; phát triển nguồn năng lượng tái tạo gồm điện gió, điện mặt trời áp mái và pin lưu trữ. Trong dài hạn định hướng nghiên cứu điện hạt nhân sử dụng lò phản ứng mô-đun nhỏ (SMR), việc triển khai phải được cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định và phù hợp với quy hoạch điện lực quốc gia theo quy định.

- Lưới điện cao thế:

- + Bảo vệ hành lang các tuyến truyền tải 500 kV, 220 kV; duy trì và nâng công suất trạm biến áp (TBA) 500 kV Hiệp Hòa lên 2 x 900 megavolt-ampe (MVA), xây dựng mới các TBA 500 kV theo Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII; nâng cấp 06 TBA 220 kV hiện hữu (tổng dung lượng 2.750 MVA), hoàn thành các TBA 220 kV Lạng Giang, Sơn Động; bố trí trạm biến áp chiến lược gần các vùng phụ tải lớn (khu công nghiệp, khu kinh tế (KKT) sân bay, khu công nghiệp (KCN) dữ liệu, trung tâm tính toán thông minh (AIDC), đô thị mới), bảo đảm tiêu chí an toàn N-1.

- + Phát triển lưới điện 110 kV trên nền 45 TBA hiện hữu (tổng dung lượng 4.616 MVA) bảo đảm cân đối nguồn - tải theo từng vùng phụ tải; xây dựng

mới, cải tạo, nâng công suất các trạm phục vụ khu công nghiệp và đô thị mới; đáp ứng yêu cầu chất lượng điện nghiêm ngặt cho công nghiệp bán dẫn, trung tâm dữ liệu và logistics lạnh.

- Lưới điện trung thế: phát triển mạng lưới trung thế theo quy hoạch; ưu tiên cải tạo lưới điện nông thôn, ngầm hóa lưới điện tại đô thị. Tăng cường liên kết mạch vòng, giảm tổn thất điện năng, nâng cao chất lượng điện áp.

- Lưới chiếu sáng đô thị: xây dựng hệ thống chiếu sáng thông minh, tiết kiệm năng lượng; ứng dụng đèn đi-ốt phát quang (LED), điều khiển tập trung.

- Cung cấp năng lượng: phát triển hệ thống hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt đồng bộ với phát triển đô thị và công nghiệp, mở rộng kho xăng dầu Hải Linh và xây mới hệ thống kho khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) và khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) theo quy hoạch chuyên ngành.

g) Thông tin truyền thông:

- Hạ tầng bưu chính: phát triển hạ tầng bưu chính hiện đại, đồng bộ; đầu tư trung tâm khai thác, chia chọn và logistics bưu chính phục vụ thương mại điện tử.

- Hạ tầng viễn thông: phát triển hạ tầng viễn thông đồng bộ, hiện đại; mở rộng mạng truyền dẫn quang, mạng di động băng rộng tốc độ cao, hạ tầng 5G và IoT. Xây dựng Trung tâm bưu chính vùng. Bảo đảm 100% phường, xã có hạ tầng băng rộng; phủ sóng 5G tại các đô thị trung tâm, khu công nghiệp, khu chức năng.

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động: phát triển đồng bộ hạ tầng viễn thông thụ động phù hợp quy hoạch; sử dụng chung hạ tầng viễn thông. Thực hiện ngầm hóa mạng cáp viễn thông tại các khu vực đô thị, khu công nghiệp và các tuyến giao thông chính.

h) Cấp nước:

- Tổng nhu cầu dùng nước đến năm 2040 khoảng 2.000.000 m³/ngày đêm (m³/ngđ) và năm 2050 khoảng 2.700.000 m³/ngđ.

- Nguồn nước:

- + Sử dụng nguồn nước mặt sông Cầu, sông Đuống, sông Thái Bình, sông Thương, sông Lục Nam và hệ thống hồ chứa (hồ Cẩm Sơn, hồ Khuôn Thần) làm nguồn nước chính; khuyến khích tái sử dụng nước phù hợp theo mục đích sử dụng.

+ Khu vực đô thị: xây dựng các nhà máy nước mặt quy mô lớn khai thác nước sông Cầu, sông Đuống kết hợp hệ thống truyền tải để điều hòa và chia sẻ nguồn nước. Bổ sung nguồn cấp nước liên tỉnh từ nhà máy nước mặt sông Đuống cho khu vực Nam sông Cầu khi có nhu cầu.

+ Khu vực dân cư nông thôn liền kề các khu vực đô thị kết nối hệ thống cấp nước đô thị; khu vực xa các đô thị áp dụng mô hình cấp nước phân tán theo cụm dân cư, khai thác nguồn nước suối, hồ trong khu vực.

+ Đối với các khu, cụm công nghiệp, khu cảng hàng không Gia Bình được cấp nước từ hệ thống cấp nước đô thị khi năng lực bảo đảm hoặc xây dựng trạm cấp nước riêng. Khuyến khích tái sử dụng nước trong các khu công nghiệp.

- Nhà máy nước:

+ Phát triển hệ thống nhà máy nước mặt quy mô lớn: Nhà máy nước mặt Bắc Ninh (vùng Bắc Đuống), Nhà máy nước mặt sông Đuống Bắc Ninh dự kiến (vùng Nam Đuống), Nhà máy nước Bắc Giang, Nhà máy nước DNP Bắc Giang, Nhà máy nước hồ Cẩm Sơn dự kiến, Nhà máy nước sông Lục Nam dự kiến.

+ Mở rộng công suất các nhà máy nước đang hoạt động để đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị và công nghiệp.

+ Các nhà máy nước quy mô nhỏ khu vực nông thôn chuyển đổi thành các trạm bơm tăng áp khi có mạng lưới cấp nước tập trung bảo đảm cung cấp.

- Mạng lưới cấp nước: xây dựng mạng lưới cấp nước truyền dẫn theo các vùng cấp nước kết nối các khu vực phát triển của đô thị theo mạng vòng bảo đảm cấp nước an toàn. Mạng lưới cấp nước kết hợp cấp nước sinh hoạt và cấp nước chữa cháy được bố trí các trụ chữa cháy theo quy định.

i) Thu gom và xử lý nước thải:

- Khu vực phát triển đô thị: dự báo lượng thải đến năm 2040: khoảng 1.230.000 m³/ngđ; năm 2050: khoảng 1.450.000 m³/ngđ. Mở rộng, nâng công suất các trạm hiện có, xây dựng mới các trạm xử lý nước thải tập trung theo các lưu vực thu gom nước thải với tổng công suất đến năm 2040 khoảng 1.200.000 m³/ngđ; năm 2050 khoảng 1.400.000 m³/ngđ.

Khu vực nông thôn: dự báo lượng nước thải đến năm 2040 khoảng 70.000 m³/ngđ và năm 2050 khoảng 80.000 m³/ngđ. Khu vực nông thôn liền kề đô thị sẽ được thu gom cùng hệ thống thoát nước đô thị, các khu vực khác được xử lý nước thải cục bộ.

Khu vực công nghiệp: dự báo lượng nước thải công nghiệp đến năm 2040

khoảng 550.000 m³/ngđ và đến năm 2050 khoảng 700.000 m³/ngđ. Nước thải công nghiệp được xử lý riêng theo các khu, cụm công nghiệp. Kế thừa hệ thống thu gom và xử lý nước thải của các khu, cụm công nghiệp hiện có đã bảo đảm quy định. Xây dựng mới hệ thống thu gom và xử lý nước thải tại các khu, cụm công nghiệp phát triển mới với quy mô công suất phù hợp theo quy mô, tính chất khu, cụm công nghiệp.

Nước thải được xử lý đạt quy chuẩn hiện hành đối với tính chất nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

Các khu vực đô thị hiện hữu sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng, xây dựng lộ trình chuyển đổi thành hệ thống thoát nước riêng. Khu vực phát triển đô thị mới phải xây dựng hệ thống cống thoát nước thải riêng.

k) Thu gom, xử lý chất thải rắn (CTR):

- Chất thải rắn sinh hoạt: tổng lượng CTR trên địa bàn đến năm 2040 khoảng 7.800 tấn/ngđ; đến năm 2050 khoảng 10.200 tấn/ngđ. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt: khu vực đô thị đạt 100%; khu vực nông thôn đạt trên 95%.

- Chất thải rắn công nghiệp: tổng lượng CTR trên địa bàn đến năm 2040 khoảng 7.700 tấn/ngđ; đến năm 2050 khoảng 9.600 tấn/ngđ. Tỷ lệ thu gom chất thải công nghiệp đạt 100%.

- Phân vùng thu gom thành 4 vùng: (1) vùng đô thị tập trung phía Nam sông Cầu và phụ cận; (2) vùng đô thị tập trung phía Bắc sông Cầu và phụ cận; (3) vùng đô thị phân tán; (4) vùng nông thôn.

- Phân loại chất thải rắn: tất cả các loại hình chất thải rắn phải được phân loại tại nguồn. Chất thải rắn nguy hại phải thu gom và vận chuyển riêng theo quy định.

- Công nghệ xử lý: tại các khu xử lý CTR đô thị, áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại gồm các nhóm công nghệ: đốt thu hồi năng lượng; tái chế CTR; chế biến phân vi sinh... Các khu xử lý quy mô nhỏ phục vụ nông thôn, miền núi ưu tiên công nghệ đốt, tái chế. Đẩy mạnh kinh tế tuần hoàn để giảm tỷ lệ chôn lấp cuối cùng xuống mức thấp nhất (khuyến khích đầu tư xây dựng các cơ sở thu gom, xử lý chất thải rắn công nghiệp tuần hoàn).

- CTR của nhà máy điện nguyên tử phải được thu gom và xử lý theo quy định đối với chất thải có phóng xạ.

- Cơ sở xử lý CTR:

+ CTR sau khi thu gom, vận chuyển về các khu xử lý CTR tập trung theo

các phân vùng. Các cơ sở xử lý CTR cấp tỉnh được phân bổ theo các vùng gồm: Khu xử lý chất thải Phù Lãng, xã Phù Lãng, diện tích khoảng 130 ha; Khu xử lý chất thải Ngũ Thái, phường Song Liễu, diện tích khoảng 30 ha; Khu xử lý chất thải phát điện Lương Tài, xã Trung Kênh, diện tích khoảng 25 ha; Khu xử lý chất thải Đa Mai, phường Đa Mai, diện tích khoảng 25 ha; Khu xử lý chất thải Hiệp Hòa, xã Hiệp Hòa, diện tích khoảng 20 ha; Khu xử lý chất thải Bắc Lũng, xã Bắc Lũng, diện tích khoảng 10 ha; Khu xử lý chất thải Chũ, xã Kiên Lao, diện tích khoảng 10 ha. Xử lý CTR tuần hoàn tại các KCN, cụm công nghiệp (CCN).

+ Dự trữ quỹ đất tại một số khu xử lý liên xã đã quy hoạch như khu xử lý chất thải Từ Sơn (phường Tam Sơn), Tiên Du (xã Tiên Du), Bắc Ninh (phường Kinh Bắc)... Sau năm 2030, sau khi khẳng định được hiệu quả công tác phân loại và áp dụng công nghệ xử lý có thể chuyển đổi mục đích sử dụng phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Ưu tiên chuyển đổi thành các khu đất dành cho hạ tầng thu gom, tập kết xe điện đã qua sử dụng, xử lý pin xe điện...

1) Nghĩa trang, nhà tang lễ:

- Nghĩa trang:

+ Dự báo nhu cầu đất nghĩa trang đến năm 2040 khoảng 300 ha; đến năm 2050 khoảng 350 ha. Mở rộng, xây dựng mới các nghĩa trang tập trung kết hợp mô hình nghĩa trang công viên, có chính sách ưu tiên quỹ đất cho người dân địa phương theo quy định: Công viên nghĩa trang Long Châu, xã Yên Phong, quy mô khoảng 117 ha; Công viên nghĩa trang xã Xuân Lương, quy mô khoảng 200 ha; Công viên nghĩa trang An Lạc Viên, xã Nhã Nam và Tân Yên, quy mô khoảng 30 ha; Công viên nghĩa trang Đông Phú, quy mô khoảng 180 ha; Công viên nghĩa trang Đại Lai, quy mô khoảng 45 ha. Các nghĩa trang cấp xã xác định cụ thể trong quy hoạch chung xã và quy hoạch chuyên ngành.

+ Đóng cửa, chấm dứt việc hung táng tại các nghĩa trang trong khu vực phát triển đô thị. Tổ chức rà soát, đóng cửa, di dời các nghĩa trang nhỏ lẻ, phân tán trong khu vực đô thị về các khu nghĩa trang tập trung theo quy hoạch; quỹ đất sau di dời ưu tiên sử dụng cho các mục đích công cộng như cây xanh, giao thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị...

- Cơ sở hỏa táng: đầu tư xây dựng các cơ sở hỏa táng tập trung, vị trí tại các nghĩa trang công viên. Dài hạn có thể bổ sung tại các nghĩa trang được quy hoạch khác, bảo đảm nhu cầu của đô thị.

- Nhà tang lễ: đầu tư xây dựng bổ sung các nhà tang lễ, bảo đảm mỗi đô thị tối thiểu 01 nhà tang lễ, quy mô phục vụ không quá 250.000 người. Nhà tang lễ được bố trí độc lập hoặc kết hợp với các công trình như nghĩa trang, cơ sở hỏa

táng, bệnh viện, công trình tôn giáo, tín ngưỡng bảo đảm tuân thủ các quy định về khoảng cách an toàn môi trường và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

12. Bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Quản lý môi trường theo phân vùng sinh thái - phát triển:

Phân vùng kiểm soát môi trường gồm: (1) vùng đô thị - công nghiệp trung tâm tại khu vực Kinh Bắc, Bắc Giang, Từ Sơn, Tiên Du, Yên Phong, Quế Võ, Thuận Thành... tập trung kiểm soát nước thải, khí thải, chất thải, tiếng ồn, sản xuất xen cài và bảo đảm cây xanh cách ly; (2) vùng đô thị sân bay - logistics phía Nam sông Đuống tại Gia Bình, Lương Tài, Thuận Thành, kiểm soát tác động của cảng hàng không, kho bãi, giao thông hàng hóa, tiếng ồn, nước mưa chảy tràn và sự cố môi trường; (3) vùng hành lang sông, hồ, thoát lũ gồm sông Cầu, sông Đuống, sông Thương, sông Lục Nam, sông Thái Bình, Ngũ Huyện Khê, hồ Cẩm Sơn, hồ Khuôn Thần... và hệ thống ao, hồ, kênh mương, kiểm soát chất lượng nước, hành lang thoát lũ, hành lang xanh - xanh lam, khoảng lùi xây dựng và không gian trữ nước; (4) vùng làng nghề, cụm công nghiệp cũ và sản xuất chuyển đổi tại Phong Khê, Văn Môn, Đa Hội, Phù Khê, Phù Lãng và các khu vực tương tự, phục hồi môi trường đất, nước; (5) vùng sinh thái rừng núi, hồ chứa, nông nghiệp sinh thái tại Tây Yên Tử, Suối Mỡ, Khe Rồ, Cẩm Sơn, Khuôn Thần, Lục Ngạn, Sơn Động... bảo vệ rừng, đầu nguồn, đất dốc, đa dạng sinh học và phòng, chống cháy rừng.

b) Giải pháp bảo vệ môi trường:

Bảo vệ môi trường phải được thực hiện đồng bộ với tổ chức không gian phát triển, sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật và quản trị đô thị thông minh; chuyển từ xử lý ô nhiễm sau phát triển sang kiểm soát theo sức chịu tải môi trường, phòng ngừa rủi ro và phục hồi các khu vực đã suy thoái. Phát triển đô thị theo mô hình đô thị bọt biển, bảo vệ hệ thống sông, hồ, hình thành lõi sinh thái và hạ tầng xanh - xanh lam của đô thị; kiểm soát nguồn thải theo lưu vực, nhất là sông Cầu, sông Đuống, sông Thương, sông Lục Nam, Ngũ Huyện Khê, ao, hồ nội đô.

Kiểm soát chặt chẽ chuyển đổi đất nông nghiệp, đất trồng, đất ven sông, đất rừng, đất ngập nước và các khu vực có giá trị sinh thái; phục hồi đất ô nhiễm tại bãi rác, làng nghề, cụm công nghiệp cũ, cơ sở sản xuất phân tán... Kiểm soát bụi, khí thải, tiếng ồn và phát thải khí nhà kính tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, tuyến giao thông chính, khu logistics, đô thị sân bay Gia Bình và khu vực xây dựng tập trung; tổ chức vùng đệm cây xanh, khoảng cách ly môi trường giữa không gian sản xuất, giao thông đối ngoại với khu dân cư.

Bảo vệ, phục hồi đa dạng sinh học, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, hồ chứa, đất ngập nước, hành lang sông và các sinh cảnh quan trọng; phát triển hệ

thông công viên, nêm xanh, vành đai xanh và không gian xanh trong khu dân cư. Tích hợp các giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai trong phát triển đô thị. Hoàn thiện mạng lưới quan trắc, giám sát và cảnh báo sớm về môi trường; kết nối dữ liệu quan trắc tự động vào hệ thống quản trị đô thị thông minh, làm căn cứ kiểm soát phát triển, cấp phép, vận hành hạ tầng và ứng phó khẩn cấp.

13. Thực hiện quy hoạch, chương trình dự án ưu tiên đầu tư

a) Phân kỳ thực hiện quy hoạch:

- Giai đoạn 2026 - 2030: hoàn thiện hệ thống quy hoạch chung xã, quy hoạch phân khu; năm 2026 xây dựng Bắc Ninh đạt tiêu chí đô thị loại I và trở thành thành phố trực thuộc trung ương. Hình thành vùng đô thị trung tâm với 08 đô thị loại II, nâng tỷ lệ đô thị hóa đạt tối thiểu 65%. Hoàn thành và đưa vào khai thác giai đoạn 1 Cảng hàng không quốc tế Gia Bình; khép kín tuyến Vành đai 4; triển khai các tuyến đường sắt liên vận quốc tế và đường sắt tốc độ cao, tạo nền tảng phát triển trung tâm công nghiệp công nghệ cao, bán dẫn, vi mạch, logistics và đổi mới sáng tạo của quốc gia.

- Giai đoạn 2030 - 2040: hoàn thiện mô hình đô thị đa cực, đa trung tâm; phát triển thêm 04 đô thị loại II tại vùng đô thị hóa mở rộng, nâng tỷ lệ đô thị hóa đạt tối thiểu 75%. Đưa Cảng hàng không quốc tế Gia Bình vào khai thác đồng bộ; phát triển mạng lưới đường sắt đô thị và các khu vực TOD; hình thành hệ thống logistics đa phương thức và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng cân bằng giữa công nghiệp công nghệ cao, dịch vụ chất lượng cao và logistics hiện đại.

- Giai đoạn 2040 - 2050: hoàn thiện hệ thống đô thị và kết cấu hạ tầng chiến lược theo mô hình đa cực, đa trung tâm; nâng tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 80%. Phát triển Bắc Ninh trở thành đô thị xanh, thông minh, đáng sống; phát triển mạnh kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, từng bước hiện thực hóa mục tiêu phát thải ròng bằng “0” và nâng cao vị thế là cực tăng trưởng quốc gia, trung tâm công nghiệp công nghệ cao, đổi mới sáng tạo và logistics của khu vực.

- Giai đoạn sau năm 2050: tiếp tục hoàn thiện không gian đô thị và hệ thống hạ tầng theo tiêu chuẩn quốc tế; mở rộng các động lực tăng trưởng dựa trên đổi mới sáng tạo, khoa học, công nghệ và chuyển đổi số. Xây dựng Bắc Ninh trở thành đô thị bền vững mang tầm vóc quốc tế, có chất lượng sống cao, là một trong những cực tăng trưởng hàng đầu của quốc gia và khu vực châu Á, hiện thực hóa tầm nhìn phát triển đến năm 2075.

b) Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

- Chương trình hoàn thiện hệ thống quy hoạch và công cụ quản lý phát triển đô thị: lập, điều chỉnh quy hoạch chung xã, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết; lập quy hoạch không gian ngầm, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật (khi cần thiết); xây dựng quy chế quản lý kiến trúc; phát triển cơ sở dữ liệu quy hoạch, hệ thống thông tin địa lý (GIS), nền tảng quản lý đô thị thông minh và chuyển đổi số trong công tác quy hoạch, quản lý phát triển đô thị.

- Chương trình đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông chiến lược và liên kết vùng: hoàn thiện Cảng hàng không quốc tế Gia Bình; đầu tư các tuyến đường Vành đai 4, Vành đai 5, các tuyến cao tốc, quốc lộ, đường tỉnh; phát triển mạng lưới đường sắt tốc độ cao, đường sắt liên vận quốc tế, đường sắt đô thị; đầu tư hệ thống cảng cạn (ICD), trung tâm logistics, bến thủy nội địa và các đầu mối giao thông đa phương thức.

- Chương trình phát triển các cực tăng trưởng và khu chức năng động lực: đầu tư xây dựng Khu thương mại tự do gắn với Cảng hàng không quốc tế Gia Bình; khu kinh tế chuyên biệt Kép - Lạng Giang; các khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp sinh thái, khu nghiên cứu - phát triển (R&D), trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm dữ liệu và các trung tâm logistics cấp vùng.

- Chương trình phát triển hệ thống đô thị và nâng cao chất lượng đô thị: hoàn thiện các tiêu chí thành phố trực thuộc trung ương; đầu tư phát triển các đô thị hạt nhân, các khu đô thị mới theo mô hình TOD; chỉnh trang, tái thiết các khu vực đô thị hiện hữu; phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân; đầu tư đồng bộ hệ thống công trình hành chính, giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao và các thiết chế công cộng.

- Chương trình phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật: đầu tư các công trình đầu mối và hạ tầng khung về cấp điện, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải rắn, nghĩa trang, viễn thông, hạ tầng số; xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại các đô thị, khu công nghiệp và khu chức năng theo nguyên tắc đồng bộ, hiện đại, thông minh và đi trước một bước.

- Chương trình bảo tồn và phát huy giá trị di sản, phát triển văn hóa và du lịch: đầu tư bảo tồn, tôn tạo các di sản văn hóa, lịch sử và cảnh quan; phát triển hạ tầng du lịch, các trung tâm văn hóa, không gian công cộng, công viên chuyên đề; hình thành các sản phẩm du lịch văn hóa, sinh thái và nghỉ dưỡng gắn với không gian văn hóa Kinh Bắc và Tây Yên Tử.

- Chương trình phát triển năng lượng xanh và hạ tầng số: đầu tư phát triển nguồn năng lượng tái tạo, điện mặt trời, điện từ chất thải, hệ thống lưu trữ năng lượng, hạ tầng sạc phương tiện điện; phát triển trung tâm dữ liệu, hạ tầng số, mạng viễn thông thế hệ mới và các nền tảng phục vụ kinh tế số, chính quyền số và đô thị thông minh.

- Chương trình bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển đô thị phát thải thấp: đầu tư hệ thống hồ điều hòa, đê, kè, trạm bơm tiêu, hành lang thoát lũ; cải tạo, phục hồi hệ thống sông, hồ và hành lang xanh; phát triển công viên, cây xanh đô thị; tăng cường năng lực phòng, chống ngập úng, kiểm soát ô nhiễm môi trường, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng “0”.

- Ưu tiên xử lý ô nhiễm tại các làng nghề và khu vực sản xuất có nguy cơ ô nhiễm cao, đặc biệt là các làng nghề tái chế, sản xuất giấy, kim loại, gỗ mỹ nghệ và các cụm công nghiệp cũ; đồng thời cải tạo các dòng sông, kênh, mương chịu tác động của hoạt động sản xuất.

c) Giải pháp, nguồn lực thực hiện:

Huy động đa dạng nguồn vốn đầu tư (ngân sách, đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP), vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn xã hội hóa); phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai qua đấu giá, TOD; ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý đô thị.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của nguồn gốc tài liệu, cơ sở dữ liệu (số liệu, bản đồ) của các ngành, lĩnh vực để nghiên cứu, lập Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh; tính chính xác của số liệu, tài liệu, cơ sở dữ liệu được công bố tại hồ sơ quy hoạch và sự phù hợp với các dự án hạ tầng kỹ thuật khung đang được triển khai trên địa bàn; sự thống nhất của toàn bộ quy hoạch tại thuyết minh và hệ thống bản đồ; căn cứ, cơ sở dự báo quy mô dân số, sử dụng đất quy hoạch bảo đảm phù hợp các định hướng liên quan tại Quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia, Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng, Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh; tuân thủ quy định hiện hành của pháp luật về đất đai, đầu tư, nhà ở, xây dựng và các quy định pháp luật, quy định khác có liên quan; tiếp thu ý kiến, phối hợp các bộ, ngành liên quan triển khai thực hiện quy hoạch theo đúng quy định pháp luật, bảo đảm các vấn đề về quốc phòng, an ninh, thích ứng với biến đổi khí hậu; sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, bảo đảm phát triển bền vững về kinh tế - xã hội và môi trường đô thị; không để xảy ra các chồng chéo, tranh chấp, khiếu kiện trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075 (gồm thuyết minh, bản vẽ và quy định quản lý theo quy hoạch) theo đúng quy định, gửi Bộ Xây dựng xác nhận và lưu trữ, lưu giữ theo quy định.

- Chủ trì, chỉ đạo tổ chức công bố công khai Quy hoạch chung đô thị Bắc

Ninh đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075 được phê duyệt; đăng tải, cập nhật hồ sơ quy hoạch được phê duyệt trên cổng thông tin Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng; lưu trữ và lưu giữ hồ sơ quy hoạch được duyệt theo quy định pháp luật.

- Xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch chung. Tổ chức lập, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn, dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khung trong đô thị theo đúng quy định, tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia, pháp luật về quy hoạch đô thị, xây dựng, đất đai, đầu tư và các quy định pháp luật, các quy định khác có liên quan, bảo đảm thống nhất và phù hợp với Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh được phê duyệt.

- Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075 được phê duyệt là quy hoạch định hướng, là cơ sở pháp lý để tổ chức triển khai lập, phê duyệt các quy hoạch phân khu, quy hoạch chung xã, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật tại đô thị Bắc Ninh để cụ thể hóa.

- Thực hiện công tác rà soát, đánh giá quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075 theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.

- Nguồn lực thực hiện quy hoạch: huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật; ưu tiên nguồn lực đầu tư các chương trình, dự án trọng điểm; nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách về đầu tư, đất đai, tài chính và huy động nguồn lực xã hội để triển khai thực hiện quy hoạch.

2. Bộ Xây dựng:

- Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định bảo đảm đúng quy định pháp luật. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch nêu trên bảo đảm tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Rà soát, đóng dấu thẩm định xác nhận hồ sơ Quy hoạch chung (thuyết minh, bản vẽ, quy định quản lý theo quy hoạch) bảo đảm đúng Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ; lưu trữ, lưu giữ hồ sơ Quy hoạch chung được duyệt theo quy định pháp luật.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh công bố công khai Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075 được duyệt theo quy định.

- Hướng dẫn, kiểm soát, kiểm tra việc triển khai thực hiện Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh bảo đảm tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Tài chính, Công an, Nông nghiệp và Môi trường, Quốc phòng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế, Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Công Thương, Khoa học và Công nghệ;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Bắc Ninh;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, CN (2b). ĐTQ

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Phạm Gia Túc